CÔN
G TY
CỔ
PHẦN
X20
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN X20
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Thanh Xuân, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN X20, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100109339
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.06.01 10:09:58 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 553 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 Nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần X20 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT cụ thể như sau:

Theo Điều lệ GATEXCO 20, HĐQT có số lượng thành viên là 07 thành viên. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã bầu 07 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029.

Ngày 27/06/2025, Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Hà Chí Khoa theo nguyện vọng cá nhân của ông Hà Chí Khoa.

Để đảm bảo số lượng, cơ cấu và nâng cao năng lực quản trị, hoạt động của HĐQT, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị bầu bổ sung thêm 01 thành viên HĐQT cho đủ số lượng là 07 thành viên.

Về ứng cử viên: Theo quy định của Điều lệ Công ty, hiện tại Hội đồng quản trị đã nhận được văn bản của Cơ quan đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần X20, với tư cách là cổ đông lớn đã chính thức đề cử ông Lê Thiết Hùng - chức vụ: Người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần X20 vào danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT tại Đại hội này.

Tài liệu đính kèm: Sơ yếu lý lịch của ông Lê Thiết Hùng

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.H03.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chu Văn Đệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BIÊN BẢN
Họp nhóm đại diện Cổ đông đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần X20 hiện hành;

Hôm nay, ngày ?? tháng ?? năm 2026 tại Công ty Cổ phần X20, chúng tôi là những Người đại diện vốn nhà nước - Cổ đông của Công ty cổ phần X20, gồm:

TT	Họ và tên cổ đông	Số chứng thực cá nhân của cổ đông; ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần đại diện		Chữ ký (Ký, ghi rõ họ và tên)
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)	
1	Chu Văn Đệ	162627715 do CA tỉnh Nam Định cấp ngày 18/11/2013	6.185.595	32,27%	
2	Hoàng Sỹ Tâm	038070000094 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/04/2021	3.711.357	17,93%	
3	Lê Văn Nghĩa	038083077856 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 18/09/2022	2.474.238	10,76%	
4	Lê Thiết Hùng	001080033463 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021	2.474.238	10,76%	

Đã nhóm họp công khai, tự nguyện theo đúng quy định. Chúng tôi thống nhất đề cử 01 (một) người có tên sau đây để bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029:

TT	Họ và tên ứng viên	Ngày sinh	Số chứng thực cá nhân, ngày cấp, nơi cấp	Đề cử bầu vào HĐQT
1	Lê Thiết Hùng	20/09/1980	001080033463 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021	X

2. Thống nhất cử Ông Chu Văn Đệ làm đại diện để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Thông báo của Công ty cổ phần X20 liên quan đến nội dung ứng cử, đề cử ứng viên bầu vào HĐQT.

3. Chúng tôi cam đoan:

- Ứng viên được chúng tôi đề cử có đủ tiêu chuẩn đề bầu vào HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản này và hồ sơ kèm theo; đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Ảnh
4*6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dành cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT/thành viên BKS)

1. Họ và tên (chữ in hoa): LÊ THIẾT HÙNG Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 20/9/1980
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 001080033463 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; cấp ngày: 25/04/2021.
5. Địa chỉ thường trú: Số 1, N3, TTQĐ, HVCTQS, Phú Thượng, TP Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại: Số 7, Ngõ 110, Nguyễn Hoàng Tôn, Phú Thượng, TP Hà Nội
7. Số điện thoại liên lạc: 0376439381. Email: Không.
8. Trình độ văn hóa: 12/12.
9. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
10. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần X20
11. Số cổ phần nắm giữ tại GATEXCO 20: 2.474.238 cổ phần.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
09/1998-09/2002	Sinh viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
01/2003-05/2005	Trợ lý kế hoạch sản xuất, Xí nghiệp 1/Công ty 20/TCHC
05/2005-05/2020	Trợ lý Phòng Kinh tế, Ban Kinh tế, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng
05/2020-01/2025	Trợ lý Phòng Kế hoạch tổng hợp, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng
01/2025-04/2026	Trợ lý Phòng Kế hoạch tổng hợp, Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng
04/2026-Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần X20

13. Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại các đơn vị, tổ chức khác: Không.

Tên đơn vị, tổ chức	Địa chỉ	Giấy CNĐKKD	Ngày cấp/ Nơi cấp	Chức vụ	Tỷ lệ góp vốn

14. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
15. Lợi ích có liên quan với Công ty và các bên có liên quan với Công ty cổ phần X20: Không.
16. Cam kết:

- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty cổ phần X20 nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát.

....., ngày tháng năm 2026

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-ĐDVNN	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

THÔNG BÁO

V/v họp nhóm đại diện cổ đông để ứng cử, đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029

[i]Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty cổ phần X20.

Căn cứ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần X20 hiện hành;

Căn cứ Thông báo số 586/TB-HĐQT ngày 28/04/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 "V/v ứng cử, đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029";

Chúng tôi, những Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần X20 trân trọng thông báo đến Quý vị Cổ đông của Công về việc nhóm họp để đề cử, ứng cử như sau:

1. Hồi ??h?? ngày ??/??/2026, tại trụ sở Công ty cổ phần X20, những Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần X20 chính thức tổ chức cuộc họp để thống nhất việc ứng cử, đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029.

Thành phần dự họp có 04/04 Người đại diện vốn nhà nước. (thông tin chi tiết có biên bản cuộc họp đính kèm theo Thông báo này).

2. Chúng tôi chính thức thống nhất đề cử nhân sự, giới thiệu để ĐHĐCĐ xem xét, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029.

Nội dung chi tiết có Đơn ứng cử/Đề cử kèm theo Thông báo này.

Trân trọng thông báo./.

TM. NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHỤ TRÁCH CHUNG

Nơi nhận:
- Như trên (qua Công ty để CBTT);
- HĐQT Công ty cổ phần X20;
- Lưu: ĐDVNN. N08.

Chu Văn Đệ

---

[i]) **Đính kèm theo Thông báo này:**
- Đơn ứng cử/đề cử;
- Biên bản họp nhóm
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

ĐƠN ĐỀ CỬ
Ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029

1. Chúng tôi là những Người đại diện vốn nhà nước - Cổ đông của Công ty cổ phần X20, hiện đang nắm giữ 12.371.191 cổ phần, chiếm 71,72 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần X20, gồm:

TT	Họ và tên	Số chứng thực cá nhân của cổ đông; ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần đại diện
1	Chu Văn Đệ	162627715 do CA tỉnh Nam Định cấp ngày 18/11/2013	6.185.595
2	Hoàng Sỹ Tâm	038070000094 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/04/2021	3.711.357
3	Lê Thiết Hùng	001080033463 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021	2.474.238
4	Lê Văn Nghĩa	038083077856 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 18/09/2022	2.474.238

2. Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi trân trọng đề cử những 01 (một) người có tên sau đây để bầu bổ sung vào HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029:

TT	Họ và tên ứng viên	Ngày sinh	Số chứng thực cá nhân, ngày cấp, nơi cấp	Đề cử bầu vào HĐQT
1	Lê Thiết Hùng	20/09/1980	001080033463 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021	X

Chúng tôi cam đoan những người có tên trên có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cổ phần X20.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo./.

CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Hồ sơ kèm theo:
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Bản sao hợp lệ giấy tờ tùy thân và văn bằng, chứng chỉ của ứng viên;
- Biên bản họp nhóm Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20 **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 562 /BC-HĐQT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026*

BÁO CÁO
Của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần X20.

Năm 2025, Đảng, Nhà nước ta có nhiều chủ trương, chính sách mới, thực sự đột phá để bước vào "kỷ nguyên vươn mình"; trong đó nhiều chính sách đổi mới khai thông nền kinh tế, đây là thời cơ, động lực cho các loại hình doanh nghiệp của Việt Nam vươn mình, bứt phá. Tuy nhiên, áp lực tăng trưởng kinh tế theo mục tiêu của Đảng, Nhà nước trong khi tình hình thị trường nói chung và Công ty nói riêng có nhiều khó khăn, thách thức, nhất là giai đoạn đầu năm, tưởng chừng khó có thể hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong năm. Trước những khó khăn như trên, tập thể người lao động của Công ty cổ phần X20 đã cố gắng nỗ lực cùng với sự quyết tâm, quyết liệt của HĐQT, Ban Quản lý điều hành đã tập trung chỉ đạo giải quyết vướng mắc khó khăn, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường hiên năm 2025 đã đề ra, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Kết quả một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

Doanh thu tăng 6,2% so với kế hoạch, trong đó chỉ tiêu doanh thu hàng kinh tế - xuất khẩu đạt mục tiêu tăng trưởng 8% trở lên như Nhà nước đã đặt ra; lợi nhuận tăng 26,9% so với kế hoạch; thu nhập BQ tăng 17,1% so với kế hoạch.

Công ty đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp bảo đảm đủ việc làm, không bị thiếu việc, chờ việc, không để xảy ra tình trạng giảm lao động vì thiếu việc. Tổng kết năm 2025, Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu, các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; thu nhập của người lao động được giữ ổn định và tiếp tục được cải thiện.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

a) HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ đúng theo quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty; xin ý kiến bằng văn bản 15 lượt; ban hành 75 nghị quyết để quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, giải quyết các vấn đề thực tiễn nhiệm vụ của Công ty *(chi tiết các phiên họp, nghị quyết, quyết định đã đăng tải trên website của Công ty trong Báo cáo quản trị thường niên năm 2025)*, trọng tâm, xin báo cáo vào các vấn đề chính như sau:

Ngay từ đầu năm, HĐQT đã chỉ đạo Ban Quản lý điều hành triển khai xây dựng Kế hoạch sản xuất, kinh doanh (SXKD) năm 2025 để trình ĐHĐCĐ. Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tổ chức quán triệt, triển khai kế hoạch đến các cán bộ chủ chốt và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan. Định kỳ thực hiện giám sát kết quả thực hiện kế hoạch và có chủ trương giải pháp điều chỉnh kịp thời.

Đã ưu tiên toàn bộ năng lực, vật lực để góp phần tham gia bảo đảm, phục vụ nhiều sự kiện chính trị trọng đại của đất nước đối ngoại quốc phòng, như kế hoạch A50, A80, phục vụ diễu duyệt binh tại Liên bang Nga v.v.

Đã hoàn tất đầu tư (giai đoạn 1)và đưa dự án đầu tư dây chuyền nhuộm tại X20 Nam Định đi vào hoạt động, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, khách hàng.

Tiếp tục triển khai lộ trình tái cơ cấu doanh nghiệp; sắp xếp, bố trí lại các đầu mối sản xuất - kinh doanh tại khu vực Hà Nội; thành lập Phòng Nghiên cứu - Phát triển. Tổ chức nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025; đề xuất Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035 trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Đã đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý, điều hành. Năm 2025, đã chú trọng cải cách thủ tục hành chính, phát huy tốt các cuộc hội họp trực tuyến, văn phòng không giấy; từ quý 3/2025, 100% văn bản không mật đều được xử lý trực tiếp trên phần mềm văn phòng số; tiếp tục triển khai ứng dụng 02 phần mềm phục vụ cho công tác quản lý và quản trị sản xuất, tạo tiền đề cơ bản để thực hiện lộ trình chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành của Công ty những năm tiếp theo.

Tăng cường kiểm soát chi phí, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãnh phí bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực. Nguồn vốn được kiểm soát tốt và có cải thiện, nhất là vốn lưu động; vốn của chủ sở hữu, của Quý vị Cổ đông được bảo toàn, phát huy tốt.

b) Năm 2025, mọi hoạt động của Hội đồng Quản trị cơ bản tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Công tác quản trị được chú trọng chiều sâu. HĐQT đã thực hiện tốt chức năng trong việc quyết nghị các chủ trương và giám sát hoạt động quản lý, điều hành; đã thực hiện đúng các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong việc ban hành các Nghị quyết làm căn cứ cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

Về dự kiến chi tiền thưởng và lợi ích vật chất khác đối với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và người quản lý của năm 2025: HĐQT đã có Tờ trình ĐHĐCĐ; khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp này sẽ thực hiện quyết toán trong năm tài chính 2026.

4. Năm 2025, Công ty không phát sinh giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do GATEXCO 20 nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc; không phát sinh giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

5. Các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và cho ý kiến quyết nghị các nội dung được xin ý kiến bằng văn bản. Từng thành viên HĐQT trong cuộc họp đã tham gia tích cực và có trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ; chủ động, nghiên cứu đóng góp cùng HĐQT, Tổng Giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Từng thành viên độc lập HĐQT đã có báo cáo đánh giá kết quả về hoạt động của HĐQT trong năm 2025, nội dung đánh giá cụ thể như báo cáo trong bộ tài liệu đã trình ĐHĐCĐ (xin phép không nêu lại).

6. HĐQT đã phối hợp tốt với Ban kiểm soát, tạo điều kiện để Ban kiểm soát phát huy được vị trí, vai trò trong việc giám sát, đánh giá các hoạt động, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Công ty. 100% cuộc họp của HĐQT đều thực hiện mời và có đại diện Ban kiểm soát cùng dự họp. Toàn bộ các nghị quyết của HĐQT đều được gửi đến Ban kiểm soát như các thành viên HĐQT.

7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc, người điều hành:

Việc giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Các đề xuất của Tổng Giám đốc trình HĐQT đều được HĐQT thảo luận, quyết nghị tại cuộc họp HĐQT hoặc theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Kết thúc năm 2025, HĐQT đã tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT ban hành trong năm 2025, kết quả đánh giá cho thấy: Năm 2025, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, song HĐQT và Tổng Giám đốc đã quyết liệt chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT đạt được kết quả tốt trên nhiều lĩnh vực, nhiều mặt công tác; đặc biệt là kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu, các nhiệm vụ trọng tâm; bảo đảm ổn định việc làm qua đó góp phần quan trọng trong việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu đã định, điều hành Công ty giữ vững lộ trình phát triển trong điều kiện còn nhiều khó khăn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Năm 2026, tình hình chính trị trên thế giới cón nhiều diễn biến phức tạp sẽ tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế toàn cầu; dự báo chi phí nguyên, nhiên liệu, logistics tăng, biến động khó lường. Chi phí quản lý của Công ty vẫn còn lớn, giá thành sản phẩm chưa thực sự cạnh tranh trên thị trường; chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều; lao động ngành may tiếp tục xu hướng biến động giảm do hầu hết các nhà máy may của Công ty đều đóng quân trên địa bàn thành phố.

Tình hình đó HĐQT xác định trọng tâm nhiệm vụ năm 2026 như sau:

1. Tập trung quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bảo đảm hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Tổ chức triển khai toàn diện các mặt công tác, các nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm, sự quyết tâm cao nhất. Thực hiện tốt chủ trương "Chủ động ứng phó, thích ứng linh hoạt với khó khăn thách thức, vận dụng hài hòa các biện pháp quản trị tối ưu bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ SX-KD và xây dựng Công ty VMTD".

2. Tập trung mọi nguồn lực, biện pháp để bảo đảm ổn định việc làm, không để xảy ra thiếu việc; nâng cao tính chủ động trong việc tự bảo đảm nguồn hàng của các đơn vị thành viên, nhất là đối với các Công ty TNHH MTV. Toàn Công ty phấn đấu đạt mức tăng trưởng doanh thu kinh tế từ 10% trở lên.

3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị; nghiên cứu, cơ cấu lại mô hình quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn mới theo Chiến lược phát triển khi được phê duyệt. Rà soát sửa đổi, xây dựng mới và hoàn thiện hệ thống quy chế, thể chế nội bộ; phân định rõ hơn, phát huy tốt hơn chức năng quản lý, quản trị và chức năng điều hành doanh nghiệp nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Quản lý điều hành và hệ thống tổ chức bộ máy. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp; cơ cấu, sắp xếp, tái cấu trúc lại hệ thống cơ quan Công ty bảo đảm tinh, gọn, hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với Chiến lược phát triển.

4. Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng ngành nghề mới, sản phẩm mới; nâng cao tỷ trọng doanh thu hàng FOB và thương mại, dịch vụ; phát huy hiệu quả đầu tư, bảo toàn, phát triển vốn; quan tâm chuẩn bị đủ nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh. Tăng cường kiểm soát chi phí, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, bảo đảm hoạt động tài chính lành mạnh. Tiếp tục đẩy mạnh giải quyết có hiệu quả các vướng mắc, tồn đọng; nghiên cứu phương án đẩy mạnh khai thác, sử dụng các cơ sở vật chất nhàn rỗi.

5. Đẩy mạnh triển khai kế hoạch phát triển KHCN-ĐMST và chuyển đổi số gắn với chuyển đổi xanh phù hợp với khả năng, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ phát triển Công ty; Tiếp tục hoàn thiện các phần mềm phục vụ cho hoạt động sản xuất, quản lý, điều hành.

6. Tập trung triển khai ngay Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030 khi được ĐHĐCĐ thông qua. Trọng tâm năm 2026: Triển khai thực hiện sớm, đồng bộ việc tái cấu trúc khối cơ quan, gián tiếp của Công ty, mô hình quản trị, quản lý, điều hành; đầu tư, cải tạo và đưa vào vận hành tòa nhà Chi nhánh phía Nam; nghiên cứu triển khai mô hình đơn vị vệ tinh để tăng năng lực sản xuất cho Công ty; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, kênh tiêu thụ mới.

7. Chú trọng thực hiện có hiệu quả các biện pháp xây dựng nền nếp chính quy, cơ quan đơn vị vững mạnh toàn diện "mẫu mực, tiêu biểu" và xây dựng môi trường, văn hóa doanh nghiệp. Phấn đấu không để xảy ra vi phạm đến mức phải

xử lý kỷ luật; 100% CBCNV có tinh thần quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách được; tạo sự chuyển biến thực chất về tác phong, phương pháp, quan điểm làm việc, ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân và sự liên kết, phối hợp trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc.

Để đạt được các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026 theo kế hoạch trong điều kiện Công ty còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị xác định cần có sự đoàn kết, quyết tâm nỗ lực vượt bậc của từng thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành và sự chung sức đồng lòng của toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động để vượt qua các khó khăn, thách thức.

Trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông GATEXCO 20 thường niên hôm nay, thay mặt HĐQT, Ban điều hành Công ty xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các khách hàng, bạn hàng, đối tác, Quý vị Cổ đông và người lao động của Công ty cổ phần X20 đã tin tưởng, ủng hộ và đồng hành trong thời gian qua. Rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ, đồng hành của Quý vị trong thời gian tới để Công ty phấn đấu và quyết tâm hoàn thành thắng lợi kế hoạch 2026.

Đặc biệt, thay mặt HĐQT, xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Cục Quân nhu và các cơ quan chức năng đại diện Chủ sở hữu Nhà nước, đã tạo điều kiện giúp đỡ, động viên hỗ trợ Công ty cổ phần X20 những năm qua.

Xin cảm ơn tới các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Quản lý điều hành và toàn thể Người lao động đã hết mình vì Công ty trong suốt thời gian vừa qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên (để báo cáo);
- Lưu: VT, HĐQT.H03.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /QC-ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*
DỰ THẢO	

QUY CHẾ LÀM VIỆC
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần X20

Điều 1. Những quy định chung

1. Quy chế làm việc này sử dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần X20 (sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ).

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của những người tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp.

3. Cổ đông, người được ủy quyền và các bên tham gia dự họp có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch gồm 02 người là thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa và có trách nhiệm, nghĩa vụ chủ trì cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Chủ trì cuộc họp ĐHĐCĐ theo chương trình, nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua;

b) Giới thiệu thư ký của ĐHĐCĐ;

c) Trình dự thảo, hướng dẫn các cổ đông/đại diện cổ đông thảo luận; kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua;

d) Trả lời và yêu cầu cá nhân có liên quan trình bày những vấn đề trong chương trình do cổ đông yêu cầu;

đ) Có thể tiến hành các hoạt động, thay đổi thứ tự nội dung chương trình khi thấy cần thiết để điều hành họp ĐHĐCĐ thuận lợi nhất;

e) Làm việc theo nguyên tắc tập thể; tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông/đại diện cổ đông tham dự.

g) Trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký

1. Thư ký do Đoàn chủ tịch giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Thư ký:

a) Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, biên bản, nghị quyết của ĐHĐCĐ.

c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

d) Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ công ty

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

a) Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông;

b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo nội dung trình ĐHĐCĐ;

c) Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về bầu cử;

d) Công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước ĐHĐCĐ.

đ0 Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ công ty.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần X20 có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 20/05/2026 được quyền tham gia họp ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự họp ĐHĐ cổ đông:

a) Cổ đông được quyền biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

b) Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

c) Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự họp ĐHĐ cổ đông phải mang theo giấy tờ tuỳ thân (CCCD, CMND, Hộ chiếu…) và Thư mời tham dự nộp cho Ban tổ chức để kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận phiếu biểu quyết, các tài liệu có liên quan;

d) Người được uỷ quyền tham dự họp ĐHĐ cổ đông không được uỷ quyền lại cho người khác;

đ) Trong thời gian diễn ra cuộc họp các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều hành của Đoàn chủ tịch và Ban Tổ chức; ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự;

e) Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu;

g) Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tuỳ theo mức độ cụ thể Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

h) Khi cổ đông đã đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, nhưng lúc biểu quyết mà vắng mặt coi như cổ đông đồng ý biểu quyết thông qua các vấn đề lấy ý kiến biểu quyết;

i) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/05/2026.

Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Việc triệu tập lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong ĐHĐCĐ

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn chủ tịch, khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ phiếu biểu quyết, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tránh trùng lắp.

Các vấn đề nghị sự theo nội dung trình được biểu quyết trực tiếp thông qua phiếu biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 8. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký ghi vào Biên bản cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông. Biên bản cuộc họp, Nghị quyết được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Chu Văn Đệ

TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số: 728/CTCP-ĐDVNN

V/v báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến chỉ đạo về hoàn thiện dự thảo Điều lệ Công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2026

Kính gửi:
- Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật;
- Thủ trưởng Bộ Tham mưu/TCHCKT.

Thực hiện Công văn số 2713/TM-QLXN ngày 20/5/2026 của Bộ Tham mưu/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật về việc hoàn thiện Điều lệ Công ty; sau khi nghiên cứu ý kiến của Cục Chính trị, Phòng Tài chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp/Bộ Tham mưu và rà soát Dự thảo Điều lệ sửa đổi, những Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần X20 trân trọng báo cáo, giải trình như sau:

Công ty nghiêm túc tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Bộ Tham mưu/Tổng cục và các cơ quan chức năng; đồng thời xác định việc hoàn thiện Điều lệ phải bảo đảm thống nhất ba yêu cầu: đúng quy định của pháp luật, phù hợp mô hình công ty đại chúng/công ty niêm yết và phù hợp đặc thù X20 là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

Qua rà soát, Công ty nhận thấy Dự thảo Điều lệ đã bám sát Điều lệ mẫu và các nguyên tắc quản trị công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC; đồng thời đã cập nhật đầy đủ các quy định pháp luật mới có liên quan, gồm Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15, Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp số 38/2024/QH15, Luật Chứng khoán và các quy định áp dụng đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết, doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối.

Dự thảo Điều lệ không đặt ra cơ chế quyền lực ngoài pháp luật; ngược lại, làm rõ nguyên tắc tách bạch giữa quản trị, điều hành và kiểm soát: Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền cao nhất; Hội đồng quản trị quản trị, quyết định và giám sát; Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức hoạt động quản trị và thực hiện trách nhiệm người đại diện theo pháp luật; Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hằng ngày; Ban kiểm soát giám sát độc lập theo luật định.

1. Về ý kiến của Cục Chính trị

Công ty đã tiếp thu và chỉnh lý Dự thảo Điều lệ theo hướng bổ sung, cập nhật đầy đủ căn cứ pháp lý về quản lý vốn Nhà nước, cơ cấu lại vốn, doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh tại khoản 1 Điều 2. Công ty đã chỉnh sửa tên Chương VIII, tên Điều 57 và nội dung về tổ chức Đảng, các tổ chức quần chúng trong Công ty theo đúng tinh thần góp ý: tổ chức Đảng trong Công ty hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, các quy định của Đảng và pháp luật có liên quan, là hạt nhân chính trị, lãnh đạo, định hướng Công ty hoạt động đúng

đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

2. Về ý kiến của Phòng Kế hoạch tổng hợp/Bộ Tham mưu

Công ty đã rà soát Dự thảo Điều lệ trên cơ sở Thông tư số 116/2020/TT-BTC và khẳng định các nội dung cốt lõi của Điều lệ mẫu về cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, tài chính, kiểm toán, công bố thông tin, sửa đổi Điều lệ và hiệu lực thi hành đã được kế thừa. Những nội dung bổ sung chỉ nhằm cập nhật luật mới và phản ánh đặc thù X20, không trái Điều lệ mẫu, không trái Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan. Đối với nội dung pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, Công ty đã tiếp thu và quy định rõ: khi pháp luật mới làm cho Điều lệ không còn phù hợp thì áp dụng pháp luật mới; Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Điều lệ tại kỳ họp gần nhất.

Đối với Người phụ trách quản trị công ty, cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị và các tiểu ban/nhóm công tác giúp việc Hội đồng quản trị, Công ty nhận thấy nội dung này đã có trong Điều lệ năm 2025 đang có hiệu lực và phù hợp tinh thần Điều lệ mẫu theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC. Đây là công cụ hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị, giám sát, chuẩn hóa hồ sơ, công bố thông tin và kiểm soát rủi ro; không phải cơ quan điều hành độc lập và không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Dự thảo Điều lệ chỉ quy định ở mức nguyên tắc; mọi bộ phận, tiểu ban hoặc nhóm công tác nếu được thành lập không thay thế Tổng Giám đốc, Ban điều hành, Ban kiểm soát hoặc Người phụ trách quản trị công ty, không làm thay chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan quản trị, điều hành và kiểm soát đã được pháp luật và Điều lệ quy định. Nội dung cụ thể sẽ được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ phù hợp.

3. Về ý kiến của Phòng Tài chính/Tổng cục

Công ty đã tiếp thu yêu cầu bảo đảm thống nhất các nội dung về quản lý vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn Nhà nước, đơn vị trực thuộc, tài chính, kế toán, kiểm toán và phân phối lợi nhuận. Dự thảo Điều lệ quy định theo hướng nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm, giới hạn kiểm soát và trách nhiệm cá nhân. Các nội dung tài chính cốt lõi như tài khoản ngân hàng, năm tài chính, chế độ kế toán, báo cáo tài chính, kiểm toán, phân phối lợi nhuận, cổ tức và kiểm soát tài chính cần được giữ trong Điều lệ vì đây là nền tảng bảo vệ quyền lợi Nhà nước, cổ đông, nhà đầu tư và đáp ứng yêu cầu minh bạch của công ty đại chúng/công ty niêm yết. Các nội dung chi tiết về hạn mức, quy trình thanh toán, kiểm soát dòng tiền, công nợ, chứng từ, hạch toán, biểu mẫu báo cáo sẽ được quy định tại Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp ủy quyền, Quy chế phân quyền ký và các quy chế chuyên ngành. Việc phân định nội dung quy định tại Điều lệ và nội dung quy định tại Quy chế tài chính cũng nhằm bảo đảm hệ thống quản trị nội bộ có tính thống nhất, tránh trùng lặp, thuận lợi cho cập nhật khi chính sách tài chính, kế toán, kiểm toán và quản lý vốn Nhà nước thay đổi.

4. Về Chương Người đại diện phần vốn Nhà nước theo Công văn số 2713/TM-QLXN

Công ty đã nghiên cứu, tiếp thu và vận dụng mẫu Chương Người đại diện phần vốn Nhà nước theo hướng phù hợp với mô hình công ty cổ phần, công ty đại chúng và đặc thù quản trị của Công ty cổ phần X20. Dự thảo Điều lệ đã có các quy định nền tảng về quản lý phần vốn Nhà nước, trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn, người đại diện phần vốn Nhà nước và cơ chế phối hợp giữa người đại diện phần vốn Nhà nước với Công ty. Công ty thống nhất làm rõ thêm trong Điều lệ các nguyên tắc về tiêu chuẩn, quyền, trách nhiệm, nội dung phải xin ý kiến, chế độ báo cáo, giám sát và trách nhiệm cá nhân của người đại diện phần vốn Nhà nước trên cơ sở Luật số 68/2025/QH15, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục và Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn Nhà nước.

Công ty đã vận dụng mẫu Chương Người đại diện theo hướng phù hợp mô hình công ty cổ phần/công ty đại chúng: Điều lệ quy định nguyên tắc, giới hạn thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp; còn quy trình xin ý kiến, biểu mẫu, thời hạn, chế độ báo cáo chi tiết, đánh giá, thay thế, miễn nhiệm và xử lý trách nhiệm thực hiện theo Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn Nhà nước và văn bản chuyên ngành. Cách tiếp cận này vừa tiếp thu chỉ đạo, vừa tránh trùng lặp, tránh làm Điều lệ quá chi tiết, bảo đảm Điều lệ không thay thế quy chế chuyên ngành. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và thực tiễn quản trị công ty đại chúng, Điều lệ là văn bản quản trị nền tảng, quy định các nguyên tắc tổ chức, thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế quản trị chủ yếu của Công ty; còn các nội dung mang tính quy trình nghiệp vụ, chế độ thực hiện, biểu mẫu, quy trình xin ý kiến, chế độ báo cáo chi tiết và cơ chế giám sát vận hành thường xuyên được quy định tại các quy chế chuyên ngành để bảo đảm tính linh hoạt, khả năng cập nhật và tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Trường hợp đưa toàn bộ nội dung quản lý người đại diện phần vốn Nhà nước vào Điều lệ với mức độ chi tiết tương đương quy chế chuyên ngành có thể dẫn đến nguy cơ chồng chéo, trùng lặp hoặc không còn thống nhất khi cơ quan có thẩm quyền sửa đổi quy định chuyên ngành, trong khi Điều lệ chỉ được sửa đổi theo trình tự Đại hội đồng cổ đông.

Vì vậy, việc Điều lệ quy định ở mức nguyên tắc, còn các quy chế chuyên ngành quy định chi tiết là phù hợp với nguyên tắc quản trị công ty, bảo đảm tính ổn định, tính thống nhất và khả năng cập nhật trong quá trình tổ chức thực hiện. Các quy chế chuyên ngành của Công ty được ban hành để tổ chức thực hiện Điều lệ và không được trái với Điều lệ, quy định của pháp luật và văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Các nội dung chi tiết về chế độ thực hiện, quy trình xin ý kiến, biểu mẫu báo cáo, cơ chế giám sát, đánh giá, thay thế và xử lý trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước được thực hiện thống nhất theo Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn Nhà nước sau khi được cơ quan có thẩm quyền ban hành; trường hợp có khác nhau giữa Điều lệ và quy chế chuyên ngành thì thực hiện theo quy định pháp luật và văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Việc làm rõ vị trí pháp lý của người đại diện phần vốn Nhà nước nhằm bảo đảm đúng bản chất thực hiện quyền cổ đông Nhà nước trong công ty cổ phần; đồng thời bảo đảm sự phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa người đại diện phần vốn Nhà nước với các cơ quan quản trị, điều hành và kiểm soát của Công ty theo quy định của pháp luật.

Qua rà soát, Công ty cổ phần X20 và những Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty nhận thấy Dự thảo Điều lệ đã bám sát định hướng chỉ đạo, phù hợp Thông tư số 116/2020/TT-BTC, cập nhật đầy đủ các luật mới nêu trên, phù hợp mô hình công ty đại chúng/công ty niêm yết, doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và đặc thù doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; đồng thời làm rõ trách nhiệm quản trị của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc và trách nhiệm giám sát của Ban kiểm soát.

Công ty cam kết tiếp tục rà soát hệ thống quy chế nội bộ sau khi Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua; bảo đảm Điều lệ và các quy chế liên quan vận hành thống nhất, minh bạch, kiểm soát được rủi ro, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, người lao động và phục vụ hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Công ty cổ phần X20 và những Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty nghiêm túc chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật và Bộ Tham mưu; tiếp tục rà soát, hoàn thiện Dự thảo Điều lệ trên tinh thần tuân thủ pháp luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi và phù hợp đặc thù doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

Kính đề nghị Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Thủ trưởng Bộ Tham mưu/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật xem xét, cho ý kiến chỉ đạo đối với hướng hoàn thiện Dự thảo Điều lệ nêu trên để Công ty hoàn thiện hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo quy định.

Những Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần X20 trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Người đại diện vốn NN tại Công ty;
- Ban QLĐH, Ban KS;
- Lưu: VT, KHKD. Ha10.

TM. NHỮNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC

CHỦ TỊCH HĐQT
Thượng tá Chu Văn Đệ

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN X20
(sửa đổi, bổ sung năm 2026)

* * *

MỤC LỤC

ĐIỀU	NỘI DUNG	TRANG
	PHẦN MỞ ĐẦU	1
	CHƯƠNG I **QUY ĐỊNH CHUNG**	
Điều 1	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2	Căn cứ pháp lý và giải thích thuật ngữ	1
Điều 3	Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động	3
Điều 4	Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu và đặc thù hoạt động	4
Điều 5	Cơ cấu tổ chức quản trị và nguyên tắc quản trị, điều hành, kiểm soát	4
Điều 6	Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty	5
	CHƯƠNG II **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG**	
Điều 7	Vốn điều lệ	6
Điều 8	Loại cổ phần, cổ phiếu, chứng khoán khác, sổ đăng ký cổ đông và xác lập quyền sở hữu cổ phần	7
Điều 9	Cổ đông, cổ đông Nhà nước và cơ cấu sở hữu cổ phần	7
Điều 10	Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 11	Quyền của cổ đông	8
Điều 12	Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 13	Nguyên tắc quản lý cổ phần, bảo toàn vốn Nhà nước, quản trị cổ đông và minh bạch thông tin	10
	CHƯƠNG III **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**	
Điều 14	Vị trí, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15	Họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16	Quyền dự họp, ủy quyền, triệu tập họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17	Điều kiện tiến hành họp, thể thức biểu quyết và điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19	Công bố thông tin và hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	15
	CHƯƠNG IV **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	
Điều 20	Vị trí, vai trò và thành phần của Hội đồng quản trị	16

ĐIỀU	NỘI DUNG	TRANG
Điều 21	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 22	Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 23	Chủ tịch Hội đồng quản trị	18
Điều 24	Cuộc họp Hội đồng quản trị	19
Điều 25	Phân cấp, ủy quyền và kiểm soát thực hiện	20
Điều 26	Người phụ trách quản trị công ty, cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	21
Điều 27	Thù lao, thưởng, lợi ích khác, báo cáo, công bố thông tin và lưu trữ hồ sơ của Hội đồng quản trị	21
	CHƯƠNG V **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH**	
Điều 28	Vị trí, vai trò của Tổng Giám đốc	22
Điều 29	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, hợp đồng và tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc	23
Điều 30	Quyền hạn của Tổng Giám đốc	23
Điều 31	Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc	24
Điều 32	Nguyên tắc điều hành và kiểm soát tiến độ, kết quả	25
Điều 33	Ban điều hành và người điều hành khác	25
Điều 34	Chế độ báo cáo, giới hạn thẩm quyền, quan hệ công tác và xử lý trách nhiệm đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác	26
	CHƯƠNG VI **BAN KIỂM SOÁT**	
Điều 35	Vị trí, vai trò và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	27
Điều 36	Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	28
Điều 37	Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	29
Điều 38	Phạm vi kiểm soát và nội dung giám sát trọng yếu	29
Điều 39	Quan hệ phối hợp của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan	30
Điều 40	Báo cáo của Ban kiểm soát	31
Điều 41	Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	31
Điều 42	Trách nhiệm cá nhân và xử lý vi phạm của thành viên Ban kiểm soát	32
	CHƯƠNG VII **QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TY CON**	
Điều 43	Nguyên tắc quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty	32
Điều 44	Trách nhiệm của Công ty trong bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước	33
Điều 45	Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty	34

ĐIỀU	NỘI DUNG	TRANG
Điều 46	Cơ chế phối hợp giữa người đại diện phần vốn Nhà nước với Công ty	35
Điều 47	Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác	35
Điều 48	Nguyên tắc quản lý công ty con và đơn vị trực thuộc	36
Điều 49	Người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác	37
Điều 50	Kiểm soát kế hoạch, tài chính, đầu tư và rủi ro tại công ty con, đơn vị trực thuộc	37
Điều 51	Trách nhiệm và xử lý vi phạm trong quản lý vốn Nhà nước, người đại diện vốn và công ty con	38
	CHƯƠNG VIII **DOANH NGHIỆP QUỐC PHÒNG – LƯỠNG DỤNG, ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI VÀ CÔNG NHÂN VIÊN**	
Điều 52	Nguyên tắc hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng	39
Điều 53	Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh	40
Điều 54	Quản lý tài sản, công nghệ, nguồn lực và thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh	41
Điều 55	Kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh	41
Điều 56	Công đoàn trong Công ty	42
Điều 57	Tổ chức Đảng, tổ chức chính trị – xã hội và tổ chức quần chúng	43
Điều 58	Đối thoại, quan hệ lao động và trách nhiệm với người lao động	43
	CHƯƠNG IX **TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**	
Điều 59	Nguyên tắc quản lý tài chính	44
Điều 60	Kế hoạch tài chính, ngân sách và kiểm soát dòng tiền	45
Điều 61	Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và chế độ kế toán	46
Điều 62	Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và trách nhiệm về số liệu	46
Điều 63	Kiểm toán	47
Điều 64	Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ	48
Điều 65	Cổ tức và thanh toán cổ tức	49
Điều 66	Kiểm soát tài chính, trách nhiệm cá nhân và xử lý vi phạm	49
	CHƯƠNG X **CÔNG BỐ THÔNG TIN, QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ**	
Điều 67	Nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm công bố thông tin	50
Điều 68	Cung cấp, kiểm soát và bảo mật thông tin nội bộ	51
Điều 69	Quản trị rủi ro	52
Điều 70	Kiểm soát nội bộ	53

ĐIỀU	NỘI DUNG	TRANG
Điều 71	Xử lý vi phạm về công bố thông tin, bảo mật, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ	53
	CHƯƠNG XI **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH**	
Điều 72	Tổ chức lại Công ty	54
Điều 73	Giải thể Công ty	55
Điều 74	Thanh lý tài sản và thứ tự thanh toán khi giải thể	56
Điều 75	Giải quyết tranh chấp nội bộ	57
Điều 76	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	57
Điều 77	Điều khoản chuyển tiếp	58
Điều 78	Trách nhiệm rà soát, cập nhật hệ thống quy chế nội bộ sau khi Điều lệ có hiệu lực	58
Điều 79	Lưu giữ, sao lục và giải thích Điều lệ	59
Điều 80	Hiệu lực thi hành	60

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty cổ phần X20, một Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 thông qua ngày …. tháng …. năm 2026.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định về tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty cổ phần X20, bao gồm tên, hình thức pháp lý, trụ sở, thời hạn hoạt động, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn Nhà nước, công ty con, đơn vị trực thuộc, quản lý vốn, tài chính, công bố thông tin, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tổ chức lại, giải thể, giải quyết tranh chấp và các vấn đề cơ bản khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Điều lệ này là văn bản pháp lý nội bộ cao nhất của Công ty, làm căn cứ để tổ chức quản trị, điều hành, kiểm soát và ban hành hệ thống quy chế, quy định, quy trình nội bộ. Các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty phải phù hợp với Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

3. Điều lệ này áp dụng đối với Công ty, cổ đông, người đại diện phần vốn Nhà nước, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành, người lao động, công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc, người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Công ty.

4. Trường hợp quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty có nội dung khác với Điều lệ này thì áp dụng Điều lệ này. Trường hợp Điều lệ này có nội dung khác với quy định của pháp luật hiện hành thì áp dụng quy định của pháp luật.

5. Trường hợp pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế làm cho nội dung của Điều lệ này không còn phù hợp thì áp dụng quy định của pháp luật mới. Hội đồng quản trị có trách nhiệm rà soát và trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Điều lệ tại kỳ họp gần nhất.

Điều 2. Căn cứ pháp lý và giải thích thuật ngữ

1. Công ty cổ phần X20 tổ chức và hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC; Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý vốn và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 57/2026/NĐ-CP của Chính phủ về cơ cấu lại vốn tại doanh

nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý vốn và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; pháp luật về kiểm tra, giám sát tài chính doanh nghiệp có vốn Nhà nước, pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, các quy định pháp luật khác có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết hợp pháp của Đại hội đồng cổ đông và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: "Công ty" hoặc "X20" là Công ty cổ phần X20; "Điều lệ" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần X20; "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hướng dẫn thi hành; "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hướng dẫn thi hành; "pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp" là các quy định pháp luật điều chỉnh việc quản lý, đầu tư, giám sát, bảo toàn và phát triển phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; "pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp" là các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh, động viên công nghiệp và các nhiệm vụ có liên quan.

3. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; "cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty; "cổ đông Nhà nước" là cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quản lý hoặc đại diện quyền sở hữu đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật; "người đại diện phần vốn Nhà nước" là cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cử hoặc giao nhiệm vụ thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty.

4. "Người quản lý Công ty" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; "người điều hành Công ty" bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị; "người có liên quan" được hiểu theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

5. "Công ty con" là doanh nghiệp do Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc sở hữu phần vốn góp, cổ phần đủ để chi phối theo quy định của pháp luật; "đơn vị trực thuộc" bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, trung tâm, trường, ban, bộ phận hoặc đầu mối khác thuộc cơ cấu tổ chức của Công ty theo quyết định của cấp có thẩm quyền; "doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng" trong Điều lệ này được hiểu là đặc thù hoạt động của Công ty khi vừa thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, vừa tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật.

6. Các thuật ngữ khác chưa được giải thích tại Điều lệ này được hiểu theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Các tiêu đề chương, điều, khoản trong Điều lệ này chỉ nhằm thuận tiện cho việc tra cứu, không dùng để giới hạn hoặc làm thay đổi nội dung của Điều lệ.

Điều 3. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động

1. Tên Công ty:

a) Tên Công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN X20;

b) Tên Công ty bằng tiếng Anh: X20 JOINT STOCK COMPANY;

c) Tên viết tắt: GATEXCO 20., JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam; có con dấu, tài khoản riêng; được tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh; tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243.8645077

- Fax: 0243.8641208

- E-mail: info@gatexco20.com.vn

- Website: www.gatexco20.com.vn

4. Công ty có thể thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị trực thuộc, công ty con hoặc hình thức hiện diện thương mại khác trong và ngoài nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty cổ phần X20 gồm có:

(i) CHI NHÁNH MIỀN TRUNG – CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 78 Tuệ Tĩnh, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

(ii) CHI NHÁNH PHÍA NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 202 Tô Hiến Thành, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(iii) CHI NHÁNH MIỀN BẮC – CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, trừ trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản, tổ chức lại hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu và đặc thù hoạt động

1. Công ty được kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm và các ngành, nghề đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các hồ sơ pháp lý liên quan. Việc thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền, quy định của pháp luật và phải được đăng ký, công bố theo quy định.

3. Công ty hoạt động nhằm bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước và vốn của cổ đông; thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao; phát triển sản xuất kinh doanh hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, năng lực quản trị; chăm lo quyền lợi hợp pháp của người lao động; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông, người lao động, khách hàng và các bên có quyền lợi liên quan.

4. Công ty là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, công ty đại chúng và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Trong mọi hoạt động của Công ty, nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tuân thủ pháp luật, minh bạch thông tin và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông phải được đặt ở vị trí trọng yếu.

5. Khi phát sinh xung đột giữa lợi ích kinh tế ngắn hạn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao hợp pháp, Công ty ưu tiên thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đồng thời phải có phương án kiểm soát tác động tài chính, sản xuất kinh doanh, lao động và quyền lợi cổ đông theo quy định của pháp luật và thẩm quyền quản trị của Công ty.

6. Công ty phát triển theo định hướng lưỡng dụng, kết hợp năng lực dệt – nhuộm – in – may, sản xuất hàng quốc phòng, hàng dân sinh, hàng xuất khẩu, thương mại, dịch vụ, khai thác tài sản và các lĩnh vực phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, pháp luật hiện hành và nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức quản trị và nguyên tắc quản trị, điều hành, kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản trị, điều hành và kiểm soát của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

2. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị, quyết định và giám sát các vấn đề thuộc thẩm quyền. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Công ty tổ chức quản trị theo nguyên tắc tách bạch giữa quản trị, điều hành và kiểm soát. Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty; Chủ tịch Hội đồng quản trị không điều hành thay

Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc không quyết định thay Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát không can thiệp trực tiếp vào hoạt động điều hành thường xuyên.

4. Mỗi thẩm quyền trong Công ty phải được xác định rõ phạm vi, giới hạn, điều kiện thực hiện, người chịu trách nhiệm, cơ chế báo cáo, cơ chế giám sát và cơ chế xử lý khi vi phạm. Không cá nhân, bộ phận nào được tự mở rộng thẩm quyền hoặc sử dụng chỉ đạo miệng, tiền lệ nội bộ, quan hệ cá nhân để thay thế căn cứ pháp lý, hồ sơ, nghị quyết, quyết định hoặc ủy quyền hợp pháp.

5. Hoạt động quản trị, điều hành và kiểm soát của Công ty phải dựa trên hệ thống kế hoạch, ngân sách, dữ liệu, báo cáo, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, công bố thông tin và trách nhiệm giải trình. Mọi quyết định quản trị, điều hành trọng yếu phải có căn cứ, đúng thẩm quyền, có hồ sơ, có đánh giá rủi ro phù hợp và có thể kiểm tra sau quyết định.

6. Công ty tổ chức bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty và các bộ phận chuyên môn theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ. Các bộ phận giúp việc, tham mưu, kiểm soát không phải là cấp điều hành độc lập, không được làm thay chức năng của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát.

7. Nội dung chi tiết về phân cấp, ủy quyền, trình tự ra quyết định, chế độ báo cáo, giám sát, kiểm soát nội bộ, quan hệ phối hợp, trách nhiệm cá nhân và xử lý vi phạm được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp ủy quyền và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là **Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

2. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty; đại diện Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án; đại diện Công ty trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị với tư cách người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm bảo đảm tính hợp pháp trong hoạt động quản trị của Công ty, tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát hoạt động điều hành theo thẩm quyền, bảo đảm việc công bố thông tin, bảo mật thông tin, quản lý vốn Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong phạm vi trách nhiệm được pháp luật và Điều lệ này quy định.

4. Tổng Giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật nhưng là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc được ký kết hợp đồng, giao dịch, chứng từ, văn bản điều hành và thực hiện các công việc nhân danh Công

ty trong phạm vi được phân cấp, ủy quyền hợp pháp hoặc theo quy chế phân quyền ký của Công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị được quyền ủy quyền bằng văn bản cho Tổng Giám đốc hoặc cá nhân khác thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong phạm vi, thời hạn và điều kiện cụ thể theo quy định của pháp luật. Việc ủy quyền không làm thay đổi trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị với tư cách người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Công ty có con dấu theo quy định của pháp luật. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

7. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức, nội dung dấu và quy định việc quản lý, sử dụng dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng dấu phải đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng hồ sơ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần X20 tại thời điểm thông qua Điều lệ này là **172.500.000.000** đồng. Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng.

2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 17.250.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

3. Cơ cấu vốn của Công ty bao gồm phần vốn Nhà nước và phần vốn của các cổ đông khác, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

4. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định áp dụng đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối.

5. Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu và phần vốn Nhà nước tại Công ty; không được thực hiện giao dịch, quyết định hoặc hành vi làm thất thoát vốn, tài sản hoặc làm suy giảm trái pháp luật quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, Công ty và cổ đông.

6. Mọi thay đổi liên quan đến vốn điều lệ, cơ cấu vốn, phần vốn Nhà nước, phát hành cổ phần, mua lại cổ phần, chuyển nhượng cổ phần hoặc giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần phải được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có hồ sơ pháp lý đầy đủ và tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Loại cổ phần, cổ phiếu, chứng khoán khác, sổ đăng ký cổ đông và xác lập quyền sở hữu cổ phần

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết và tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi, trái phiếu, chứng khoán chuyển đổi, chứng quyền, quyền mua cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định của Hội đồng quản trị theo thẩm quyền.

3. Việc phát hành chứng khoán của Công ty phải phù hợp với chiến lược phát triển, nhu cầu vốn, khả năng tài chính, quyền lợi hợp pháp của cổ đông, yêu cầu bảo toàn vốn Nhà nước và quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Cổ phiếu, trái phiếu và các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết, đăng ký giao dịch, chuyển nhượng và quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Công ty lập, quản lý và cập nhật sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử hoặc hình thức hợp pháp khác.

6. Đối với cổ phiếu đã đăng ký lưu ký, niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, quyền sở hữu cổ phần được xác lập trên cơ sở dữ liệu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật.

7. Công ty có trách nhiệm bảo đảm dữ liệu cổ đông được quản lý đầy đủ, chính xác, bảo mật, thống nhất và có thể truy xuất khi cần thiết để phục vụ quản trị công ty, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, chi trả cổ tức, công bố thông tin và thực hiện các quyền hợp pháp của cổ đông.

8. Cổ đông có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Công ty hoặc tổ chức lưu ký chứng khoán về việc thay đổi thông tin liên quan đến cổ đông theo quy định. Công ty không chịu trách nhiệm đối với việc không liên lạc được với cổ đông nếu cổ đông không cập nhật thông tin theo quy định.

Điều 9. Cổ đông, cổ đông Nhà nước và cơ cấu sở hữu cổ phần

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông Nhà nước là cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty hoặc chủ thể đại diện quyền sở hữu phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Quyền của cổ đông Nhà nước tại Công ty được thực hiện thông qua người đại diện phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ này và quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

4. Việc quản lý cơ cấu cổ đông của Công ty phải bảo đảm công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật về công ty đại chúng, pháp luật chứng khoán, pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

5. Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà nước tại Công ty, chuyển nhượng phần vốn Nhà nước hoặc thực hiện giao dịch làm thay đổi quyền kiểm soát đối với phần vốn Nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Người đại diện phần vốn Nhà nước không phải là một cấp quản lý nội bộ độc lập của Công ty, không điều hành thay Tổng Giám đốc, không quyết định thay Hội đồng quản trị, mà thực hiện quyền, trách nhiệm của cổ đông Nhà nước theo cơ chế cổ đông, cơ chế Đại hội đồng cổ đông, cơ chế Hội đồng quản trị và các cơ chế khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ này hoặc điều kiện phát hành chứng khoán có quy định hạn chế chuyển nhượng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty là công ty đại chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán, đăng ký, lưu ký và bù trừ chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến cổ phần đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc chuyển nhượng phần vốn Nhà nước, cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước hoặc giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Nghiêm cấm việc lợi dụng chuyển nhượng cổ phần để che giấu sở hữu thực, thao túng giao dịch, trục lợi, chuyển dịch lợi ích trái pháp luật, làm thất thoát phần vốn Nhà nước hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm quyền tham dự, phát biểu, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; nhận cổ tức; ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu; tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định; xem xét, tra cứu, trích lục thông tin; đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp luật định; yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định; và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này, bao gồm quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể, xem xét, tra cứu tài liệu và kiến nghị nội dung đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo tỷ lệ sở hữu, điều kiện và trình tự được quy định tại pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Công ty bảo đảm cổ đông được đối xử bình đẳng đối với cùng một loại cổ phần; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin hợp pháp, quyền tham gia quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông, quyền giám sát và quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông.

5. Đối với cổ đông Nhà nước, việc thực hiện quyền cổ đông phải bảo đảm đúng quy định về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, đồng thời tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc thực hiện quyền của cổ đông phải tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quy chế nội bộ có liên quan và không được gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông khác, người lao động hoặc bên có quyền lợi liên quan.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy chế nội bộ có liên quan và quy định pháp luật.

4. Cổ đông có nghĩa vụ bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định; chỉ được sử dụng thông tin để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao gửi, sử dụng thông tin nội bộ, bí mật kinh doanh, bí mật quốc phòng, thông tin chưa công bố để trục lợi hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

5. Cổ đông không được lạm dụng quyền cổ đông, quyền của cổ đông lớn, quyền của nhóm cổ đông hoặc vị thế sở hữu cổ phần để gây cản trở hoạt động hợp pháp của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông khác hoặc làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty.

6. Cổ đông chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, kinh doanh vì tư lợi, phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc thực hiện giao dịch gây thiệt hại cho Công ty.

Điều 13. Nguyên tắc quản lý cổ phần, bảo toàn vốn Nhà nước, quản trị cổ đông và minh bạch thông tin

1. Công ty quản lý cổ phần, cổ đông, giao dịch cổ phần và dữ liệu cổ đông theo nguyên tắc minh bạch, chính xác, bảo mật, tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

2. Đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty, việc quản lý cổ phần phải bảo đảm nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, không làm thất thoát vốn, không làm suy giảm trái pháp luật quyền kiểm soát của Nhà nước và phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Mọi giao dịch liên quan đến cổ phần, quyền mua cổ phần, phát hành cổ phần, mua lại cổ phần, chuyển nhượng cổ phần, thay đổi cơ cấu sở hữu hoặc quyền của cổ đông phải được thực hiện đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, có căn cứ, có hồ sơ và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

4. Công ty thực hiện quản trị cổ đông theo nguyên tắc bình đẳng, minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số, cổ đông Nhà nước và các cổ đông có quyền, lợi ích liên quan đến Công ty.

5. Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cổ đông theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ; bảo đảm thông tin cung cấp chính xác, trung thực, kịp thời, không phân biệt đối xử và không làm lộ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh hoặc thông tin chưa được phép công bố.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức quản lý, giám sát các vấn đề liên quan đến cổ phần, cổ đông, phát hành chứng khoán, chuyển nhượng cổ phần, thay đổi vốn điều lệ và bảo toàn phần vốn Nhà nước tại Công ty.

7. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty có trách nhiệm thực hiện quyền cổ đông Nhà nước theo đúng chỉ đạo, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước tại Công ty.

8. Trường hợp phát hiện giao dịch cổ phần, thay đổi sở hữu, phát hành, chuyển nhượng hoặc quản lý cổ phần có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây thất thoát vốn, ảnh hưởng đến phần vốn Nhà nước, quyền cổ đông hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, Công ty phải kịp thời báo cáo, công bố thông tin và xử lý theo quy định.

9. Các nội dung chi tiết về quản lý cổ đông, thực hiện quyền cổ đông, trình tự cung cấp thông tin, đề cử, ứng cử, kiến nghị chương trình họp, quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin và xử lý yêu cầu của cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy chế liên quan của Công ty.

CHƯƠNG III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Vị trí, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần X20, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm định hướng phát triển, chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; mức cổ tức hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát; thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; quyết định đầu tư, bán tài sản, hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hoặc giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; quyết định tổng mức thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; phê duyệt hoặc thông qua các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề liên quan đến phần vốn Nhà nước tại Công ty, tổ chức lại Công ty, thay đổi cơ cấu quản trị, thay đổi ngành nghề kinh doanh trọng yếu, đầu tư, giao dịch lớn, phân phối lợi nhuận, cổ tức và các vấn đề có ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo đúng thẩm quyền, trình tự, tỷ lệ biểu quyết và quy định pháp luật có liên quan.

4. Đại hội đồng cổ đông thực hiện quyền thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

5. Không cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được hạn chế trái pháp luật quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyền hợp pháp của cổ đông trong việc tham dự, phát biểu, biểu quyết, đề cử, ứng cử, kiến nghị, yêu cầu cung cấp thông tin và thực hiện các quyền cổ đông khác theo quy định.

Điều 15. Họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt là báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát, phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, lựa chọn tổ chức kiểm toán và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không còn đủ theo quy định; theo yêu cầu hợp pháp của Ban kiểm

soát; theo yêu cầu hợp pháp của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật; hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định, Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục luật định.

5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tiếp và trực tuyến hoặc hình thức hợp pháp khác, bảo đảm cổ đông có thể tham dự, phát biểu, biểu quyết, xác thực tư cách cổ đông và thực hiện quyền cổ đông theo quy định của pháp luật.

6. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, Công ty phải bảo đảm hệ thống kỹ thuật, xác thực cổ đông, ghi nhận biểu quyết, lưu trữ dữ liệu và bảo mật thông tin theo quy định.

Điều 16. Quyền dự họp, ủy quyền, triệu tập họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông là cổ đông có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, doanh nghiệp và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác tham dự họp, hoặc tham dự thông qua hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản hoặc hình thức hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trong đó xác định rõ cổ đông ủy quyền, người được ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, số cổ phần được ủy quyền và nội dung ủy quyền nếu có. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện quyền trong phạm vi được ủy quyền và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền được giao.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp, dự thảo nghị quyết; xác định thời gian, địa điểm, hình thức họp; gửi thông báo mời họp; công bố thông tin; tổ chức điều kiện kỹ thuật, hậu cần, an ninh, bảo mật và các công việc cần thiết khác phục vụ cuộc họp.

5. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt ngày trước ngày khai mạc cuộc họp, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và hệ thống công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

6. Thông báo mời họp phải nêu rõ thời gian, địa điểm, hình thức họp, chương trình họp, điều kiện tham dự, cách thức ủy quyền, cách thức biểu quyết, tài liệu họp hoặc đường dẫn truy cập tài liệu họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Kiến nghị phải được lập bằng văn bản, gửi đúng thời hạn, nêu rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và căn cứ kiến nghị.

8. Người triệu tập họp có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nếu kiến nghị không được gửi đúng thời hạn, không đủ điều kiện theo quy định, nội dung kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc thuộc trường hợp được từ chối theo quy định của pháp luật. Việc từ chối phải được thông báo và nêu rõ lý do phù hợp với quy định.

9. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được chuẩn bị đầy đủ, trung thực, chính xác, có căn cứ pháp lý và được cung cấp cho cổ đông theo đúng thời hạn, hình thức, phạm vi được pháp luật quy định. Đối với các nội dung có liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh hoặc thông tin chưa được phép công bố, việc cung cấp tài liệu phải tuân thủ quy định về bảo mật và công bố thông tin.

Điều 17. Điều kiện tiến hành họp, thể thức biểu quyết và điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, việc triệu tập và điều kiện tiến hành cuộc họp lần thứ hai, lần thứ ba được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp, xác định tư cách cổ đông, người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết và số phiếu biểu quyết của từng cổ đông tham dự. Kết quả đăng ký cổ đông dự họp phải được ghi nhận trong biên bản hoặc tài liệu phục vụ cuộc họp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ này hoặc Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể chủ trì cuộc họp thì việc lựa chọn Chủ tọa được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp hợp pháp, cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp đúng chương trình, bảo đảm trật tự, an toàn, quyền tham dự, quyền phát biểu, quyền biểu quyết của cổ đông và tính hợp pháp của cuộc họp.

5. Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc thông qua Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Việc biểu quyết được thực hiện trực tiếp, bằng phiếu, bằng phương thức điện tử hoặc hình thức hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Kết quả biểu quyết phải được kiểm đếm trung thực, chính xác, công khai tại cuộc họp, ghi nhận trong biên bản và công bố theo quy định của pháp luật.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các nội dung thông thường được thông qua khi có trên năm mươi phần trăm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này quy định tỷ lệ cao hơn.

8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các nội dung quan trọng được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm trở lên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành, bao gồm sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh trọng yếu; thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị; tổ chức lại, giải thể Công ty; quyết định đầu tư, bán tài sản hoặc giao dịch có giá trị lớn theo quy định; các nội dung có ảnh hưởng lớn đến phần vốn Nhà nước, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

9. Việc biểu quyết đối với giao dịch có xung đột lợi ích, giao dịch với người có liên quan hoặc giao dịch thuộc trường hợp cổ đông, người có liên quan không được tham gia biểu quyết phải tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và Điều lệ này.

10. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp, kể cả trong trường hợp trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết có sai sót, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 18. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp pháp luật quy định không được lấy ý kiến bằng văn bản hoặc phải thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng trình tự, đúng nội dung, đúng thời hạn, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của cổ đông, bảo mật phiếu lấy ý kiến và có thể kiểm tra, đối chiếu.

3. Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi đến cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản. Biên bản họp phải ghi nhận đầy đủ thời gian, địa điểm, hình thức họp, thành phần tham dự, chương trình họp, diễn biến chính của cuộc họp, ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, nghị quyết được thông qua, ý kiến khác biệt nếu có và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa hoặc Thư ký từ chối ký biên bản thì việc xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực được ghi trong nghị quyết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Biên bản họp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, biên bản kiểm phiếu, phiếu biểu quyết, phiếu lấy ý kiến, tài liệu họp và các tài liệu liên quan phải được lưu trữ đầy đủ, an toàn, bảo mật, có thể truy xuất theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 19. Công bố thông tin và hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty thực hiện công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán, công ty đại chúng và Điều lệ này.

2. Nội dung công bố thông tin bao gồm thông báo mời họp, tài liệu họp, nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kết quả biểu quyết, tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc công bố thông tin phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng hình thức, đúng thời hạn, đồng thời tuân thủ yêu cầu bảo mật đối với thông tin liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh và thông tin chưa được phép công bố.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến hoặc thông qua nghị quyết vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật, Điều lệ, gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông, Nhà nước hoặc bên có quyền lợi liên quan.

5. Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện trong thời hạn, trình tự, thủ tục và điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét việc hủy bỏ nghị quyết, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông vẫn có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

7. Mọi hành vi lợi dụng việc triệu tập họp, cung cấp tài liệu, biểu quyết, kiểm phiếu, lập biên bản, ban hành nghị quyết hoặc công bố thông tin nhằm làm sai lệch ý chí cổ đông, gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông, người lao động hoặc

bên có quyền lợi liên quan đều bị xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Vị trí, vai trò và thành phần của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị và giám sát cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, thực hiện chức năng định hướng chiến lược, quyết định các vấn đề quản trị trọng yếu, giám sát hoạt động điều hành, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

3. Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty. Hoạt động điều hành hằng ngày thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

4. Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, bảo đảm tuân thủ pháp luật, minh bạch, thận trọng, hiệu quả, kiểm soát quyền lực và gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị.

5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người. Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm kỳ, việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Công ty có thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định áp dụng đối với công ty đại chúng. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện vai trò giám sát độc lập, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số, phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và quản trị công ty đại chúng.

7. Trong đặc thù Công ty là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm mọi quyết định quản trị trọng yếu phải đồng thời xem xét yêu cầu bảo toàn vốn Nhà nước, hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, quyền lợi cổ đông, quyền lợi người lao động và yêu cầu công bố thông tin, bảo mật thông tin theo quy định.

Điều 21. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư và các định hướng quản trị trọng yếu của Công ty theo thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề về vốn, cổ phần, đầu tư, tài sản, tổ chức lại doanh nghiệp, giao dịch có giá trị lớn, giao dịch với người có liên quan và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc, công ty con và các bộ phận thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền; quyết định hoặc phê duyệt việc cử, thay đổi, đánh giá người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định.

6. Hội đồng quản trị ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế tài chính, quy chế phân cấp, quy chế quản lý vốn Nhà nước, quy chế người đại diện phần vốn, quy chế quản lý công ty con, quy chế công bố thông tin, quy chế kiểm soát nội bộ, quy chế quản trị rủi ro và các quy chế khác cần thiết cho hoạt động quản trị, điều hành và kiểm soát của Công ty.

7. Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc, Ban điều hành, người quản lý, người đại diện phần vốn của Công ty và các đơn vị trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, chiến lược, kế hoạch, ngân sách, quy chế nội bộ và các quyết định quản trị đã được phê duyệt.

8. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm Công ty quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, đặc biệt là phần vốn Nhà nước tại Công ty; bảo đảm tuân thủ các quy định về công ty đại chúng, công bố thông tin, kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng và bí mật kinh doanh.

9. Hội đồng quản trị xem xét, quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét các biện pháp cần thiết khi phát hiện hoạt động điều hành có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vượt thẩm quyền, sai nghị quyết, không bảo đảm tiến độ, gây rủi ro thất thoát vốn, ảnh hưởng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc quyền lợi hợp pháp của cổ đông, người lao động.

10. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng, khách quan, liêm chính, vì lợi ích hợp pháp cao nhất của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, nghiên cứu hồ sơ, phát biểu quan điểm, biểu quyết độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân đối với ý kiến, phiếu biểu quyết và phần nhiệm vụ được phân công.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn, thông tin, tài sản hoặc cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, trung thực và kịp thời lợi ích có liên quan; không tham gia biểu quyết đối với các vấn đề mà mình có xung đột lợi ích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải chủ động phát hiện, cảnh báo và yêu cầu làm rõ các vấn đề có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền, thiếu căn cứ, có xung đột lợi ích, có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty, làm thất thoát vốn Nhà nước, ảnh hưởng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

6. Thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, che giấu xung đột lợi ích, không thực hiện nghĩa vụ cảnh báo rủi ro thuộc phạm vi biết hoặc phải biết, hoặc gây thiệt hại cho Công ty theo quy định của pháp luật.

7. Chế độ làm việc, phân công nhiệm vụ, cơ chế báo cáo, cơ chế giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 23. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đứng đầu Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị; lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị; ký nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện vai trò tổ chức quản trị và giám sát hoạt động điều hành thông qua cơ chế quản trị, báo cáo, giải trình, giám sát và các quyền được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền; không trực tiếp điều hành hoạt

động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty và không ra quyết định thay Tổng Giám đốc đối với các công việc thuộc thẩm quyền điều hành.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Ban điều hành, người quản lý, người đại diện phần vốn, người đứng đầu đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, báo cáo, hồ sơ, tài liệu và giải trình về các vấn đề thuộc phạm vi quản trị, giám sát của Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp phát hiện quyết định hoặc hoạt động điều hành có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền, không phù hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty, ảnh hưởng đến vốn Nhà nước, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc quyền lợi cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình, kiến nghị tạm dừng để rà soát và trình Hội đồng quản trị hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Quyền này không được hiểu là quyền điều hành thay Tổng Giám đốc.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, việc ủy quyền, phân công người thay mặt thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và văn bản ủy quyền hợp pháp. Việc ủy quyền không làm thay đổi trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 24. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập hoặc không chủ trì cuộc họp thì việc triệu tập, chủ trì được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tiếp và trực tuyến hoặc theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị có thể tham dự, thảo luận, biểu quyết và xác nhận ý kiến một cách hợp lệ.

4. Điều kiện tiến hành họp, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp, thể thức biểu quyết, lập biên bản, thông qua nghị quyết và lưu trữ hồ sơ họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ có giá trị khi được thông qua đúng thẩm quyền, đúng trình tự, đủ điều kiện biểu quyết và không trái pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Biên bản họp, nghị quyết, quyết định và tài liệu liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ đầy đủ, an toàn, bảo mật và có thể truy xuất theo quy định.

7. Đối với nội dung có liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh, thông tin chưa công bố hoặc giao dịch có khả năng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán, tài liệu họp, ý kiến thảo luận, biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được quản lý, bảo mật và công bố theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 25. Phân cấp, ủy quyền và kiểm soát thực hiện

1. Hội đồng quản trị được phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác thực hiện một số quyền, nhiệm vụ trong phạm vi pháp luật và Điều lệ này cho phép.

2. Việc phân cấp, ủy quyền phải được lập thành văn bản hoặc được thể hiện trong nghị quyết, quyết định, quy chế nội bộ của Công ty; phải xác định rõ phạm vi, nội dung, hạn mức, thời hạn, điều kiện thực hiện, chế độ báo cáo và trách nhiệm của người được phân cấp, ủy quyền.

3. Việc phân cấp, ủy quyền không làm thay đổi thẩm quyền và trách nhiệm cuối cùng của Hội đồng quản trị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quản trị, giám sát của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Người được phân cấp, ủy quyền không được vượt quá phạm vi được giao, không được ủy quyền lại nếu không được phép và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc thực hiện quyền được phân cấp, ủy quyền.

5. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện phân cấp, ủy quyền; kịp thời điều chỉnh, thu hồi hoặc chấm dứt phân cấp, ủy quyền khi phát hiện việc thực hiện không hiệu quả, vượt thẩm quyền, trái quy định hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty.

6. Việc phân cấp, ủy quyền phải bảo đảm Tổng Giám đốc có đủ thẩm quyền điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty trong phạm vi kế hoạch, ngân sách, hạn mức và mục tiêu được phê duyệt; đồng thời bảo đảm Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện được chức năng giám sát, kiểm soát theo quy định.

7. Các nội dung chi tiết về phân cấp, ủy quyền, hạn mức ký kết, hạn mức tài chính, trình tự phê duyệt, cơ chế báo cáo, cơ chế kiểm tra sau ủy quyền được quy định tại Quy chế phân cấp, ủy quyền, Quy chế tài chính, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 26. Người phụ trách quản trị công ty, cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Công ty có Người phụ trách quản trị công ty theo quy định áp dụng đối với công ty đại chúng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Hội đồng quản trị được bố trí bộ phận, nhân sự hoặc đầu mối giúp việc để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong công tác quản trị, chuẩn bị hồ sơ, tổng hợp thông tin, theo dõi việc thực hiện nghị quyết và các nhiệm vụ khác theo quy chế nội bộ của Công ty.

3. Bộ phận, nhân sự hoặc đầu mối giúp việc Hội đồng quản trị không phải là cơ quan quản lý, không phải là cơ quan điều hành, không phải là cơ quan kiểm soát độc lập và không có thẩm quyền ban hành quyết định điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

4. Bộ phận, nhân sự hoặc đầu mối giúp việc Hội đồng quản trị không thay thế chức năng của Tổng Giám đốc, Ban điều hành, Ban kiểm soát hoặc Người phụ trách quản trị công ty; không được hình thành cấp quyền lực song song trong Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hoặc nhóm công tác giúp việc Hội đồng quản trị về chiến lược, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán, rủi ro, đầu tư, quản lý vốn, công ty con hoặc lĩnh vực khác phù hợp với nhu cầu quản trị của Công ty, quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, trách nhiệm phối hợp củabộ phận, nhân sự hoặc đầu mối giúp việc Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và/hoặc các quy chế, quy định khác có liên quan.

Điều 27. Thù lao, thưởng, lợi ích khác, báo cáo, công bố thông tin và lưu trữ hồ sơ của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc chi trả thù lao, thưởng và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị phải bảo đảm công khai, minh bạch, phù hợp với kết quả và hiệu quả hoạt động của Công ty, trách nhiệm của từng thành viên và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động quản trị, kết quả giám sát, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, thù lao, thưởng, lợi ích khác của Hội đồng quản trị và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về công ty đại chúng.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị, giao dịch của người nội bộ, người có liên quan, nghị quyết, quyết định và các thông tin khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và công ty đại chúng.

5. Hội đồng quản trị phải tổ chức lưu trữ đầy đủ, an toàn và bảo mật hồ sơ, tài liệu, biên bản họp, nghị quyết, quyết định, phiếu biểu quyết, ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được nhận bất kỳ lợi ích nào trái pháp luật hoặc không được công bố theo quy định. Trường hợp vi phạm phải hoàn trả lợi ích, bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

7. Việc không báo cáo, báo cáo không trung thực, công bố thông tin không đúng quy định, lưu trữ hồ sơ không đầy đủ, làm sai lệch hồ sơ Hội đồng quản trị hoặc tiết lộ thông tin thuộc diện bảo mật là căn cứ xem xét trách nhiệm của cá nhân, bộ phận có liên quan theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Điều 28. Vị trí, vai trò của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi được phân cấp, ủy quyền hợp pháp, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Tổng Giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc được ký kết hợp đồng, giao dịch, chứng từ, văn bản điều hành và thực hiện các công việc nhân danh Công ty trong phạm vi được pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, quy chế phân cấp, ủy quyền hoặc văn bản ủy quyền hợp pháp cho phép.

3. Tổng Giám đốc chịu sự quản trị, giám sát của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc được giao quyền chủ động điều hành trong phạm vi chiến lược, kế hoạch, ngân sách, hạn mức, thẩm quyền và nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc giao quyền chủ động điều hành không làm giảm trách nhiệm của Tổng Giám đốc về tính hợp pháp, hiệu quả, tiến độ, chất lượng, chi phí và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về kết quả điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty, bao gồm kết quả sản xuất kinh doanh, quản lý tài sản, sử dụng vốn, quản lý lao động, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, quản lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc trong phạm vi được giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, hiệu quả và tuân thủ pháp luật.

Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, hợp đồng và tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, các quy định có liên quan của cơ quan có thẩm quyền và Điều lệ này.

3. Tổng Giám đốc phải có đủ năng lực tổ chức điều hành doanh nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết về pháp luật, tài chính, quản trị sản xuất, quản lý lao động, quản lý rủi ro, quản lý doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và phù hợp với đặc thù doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng của Công ty.

4. Tổng Giám đốc không được thuộc các trường hợp bị cấm quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; không được có lợi ích xung đột không được kiểm soát với lợi ích của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

5. Việc đánh giá, xem xét tiếp tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả sản xuất kinh doanh, tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều lệ, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, năng lực quản trị rủi ro, chất lượng điều hành, mức độ bảo toàn và phát triển vốn, đặc biệt là phần vốn Nhà nước tại Công ty, và kết quả thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao.

Điều 30. Quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có quyền tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư, kế hoạch lao động, kế hoạch sản xuất quốc phòng, kế hoạch quản lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và các kế hoạch khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổng Giám đốc có quyền điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty; phân công, điều phối, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành khác, các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và các đầu mối thuộc bộ máy điều hành.

3. Tổng Giám đốc có quyền ban hành các quyết định điều hành, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch triển khai và các văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền để tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc có quyền ký kết hợp đồng, giao dịch, chứng từ, hồ sơ, văn bản điều hành và tài liệu khác nhân danh Công ty trong phạm vi được phân cấp, ủy quyền hoặc theo quy chế phân quyền ký của Công ty.

5. Tổng Giám đốc có quyền đề xuất Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các vấn đề vượt thẩm quyền điều hành, bao gồm điều chỉnh kế hoạch, bổ sung ngân sách, phương án đầu tư, phương án tổ chức lại đơn vị,

phương án nhân sự cấp quản lý, phương án xử lý rủi ro lớn, phương án xử lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và các nội dung trọng yếu khác.

6. Tổng Giám đốc có quyền áp dụng các biện pháp điều hành cần thiết để bảo đảm tiến độ, chất lượng, an toàn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nhưng không được vượt quá thẩm quyền, không được trái pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

7. Các quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc về tài chính, đầu tư, hợp đồng, nhân sự, mua sắm, quản lý tài sản, sản xuất, kinh doanh, công ty con, chi nhánh và đơn vị trực thuộc được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp, ủy quyền và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 31. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ, đúng chất lượng, đúng thẩm quyền các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng kế hoạch điều hành, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch lao động, kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất quốc phòng, kế hoạch quản lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và các kế hoạch chuyên môn khác để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp về việc sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực của Công ty đúng mục đích, đúng thẩm quyền, tiết kiệm, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí, không để phát sinh rủi ro không kiểm soát, đặc biệt đối với phần vốn Nhà nước và tài sản, nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy điều hành tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phân công nhiệm vụ rõ ràng; xác định đầu mối chịu trách nhiệm; thiết lập cơ chế kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả; xử lý kịp thời các trường hợp chậm trễ, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm trong hệ thống điều hành.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, kế toán, thuế, lao động, bảo hiểm, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, quốc phòng, an ninh, bảo vệ bí mật Nhà nước, công bố thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về quyết định điều hành, kết quả điều hành, tính trung thực của báo cáo, việc chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ, việc vượt thẩm quyền, việc thiếu kiểm soát gây thiệt hại hoặc rủi ro cho Công ty.

7. Trường hợp đã phân công, phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới thực hiện nhiệm vụ, Tổng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chịu trách nhiệm quản lý đối với kết quả thực hiện trong phạm vi chức trách điều hành của mình.

Điều 32. Nguyên tắc điều hành và kiểm soát tiến độ, kết quả

1. Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo nguyên tắc kế hoạch, ngân sách, thẩm quyền, dữ liệu, báo cáo, kiểm soát nội bộ và trách nhiệm giải trình.

2. Mọi nhiệm vụ điều hành trọng yếu phải xác định rõ mục tiêu, đầu mối chủ trì, người chịu trách nhiệm chính, thời hạn hoàn thành, nguồn lực thực hiện, kết quả đầu ra và cơ chế báo cáo.

3. Tổng Giám đốc không được trì hoãn việc điều hành khi đã có đầy đủ căn cứ, điều kiện, thẩm quyền và nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ. Việc chậm trễ không có lý do chính đáng, không báo cáo kịp thời, không đề xuất phương án xử lý hoặc để chậm trễ gây thiệt hại, mất cơ hội, ảnh hưởng nhiệm vụ quốc phòng, ảnh hưởng vốn Nhà nước, ảnh hưởng quyền lợi cổ đông hoặc người lao động được coi là vi phạm trách nhiệm điều hành.

4. Khi phát sinh chậm trễ, sai lệch, rủi ro, không đạt mục tiêu hoặc có khả năng không hoàn thành nhiệm vụ, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền, nêu rõ nguyên nhân, trách nhiệm, mức độ ảnh hưởng, biện pháp khắc phục và thời hạn hoàn thành.

5. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình, khắc phục, điều chỉnh biện pháp điều hành hoặc trình Hội đồng quản trị xem xét áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền khi Tổng Giám đốc không hoàn thành, chậm trễ hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ. Việc yêu cầu báo cáo, giải trình, khắc phục hoặc trình Hội đồng quản trị xem xét không được hiểu là Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành thay Tổng Giám đốc.

6. Nội dung chi tiết về kiểm soát tiến độ, chế độ báo cáo, chỉ tiêu đánh giá, cơ chế cảnh báo, xử lý chậm trễ và trách nhiệm điều hành được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế làm việc của Ban điều hành và các quy chế chuyên ngành của Công ty.

Điều 33. Ban điều hành và người điều hành khác

1. Ban điều hành của Công ty gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc do cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp của Hội đồng quản trị và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Tổng Giám đốc và theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao

động, quyết định bổ nhiệm, quy chế nội bộ và các văn bản phân công, ủy quyền hợp pháp.

4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và pháp luật về lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công; không được viện dẫn việc thực hiện theo chỉ đạo để hợp thức hóa hành vi trái pháp luật, trái Điều lệ, vượt thẩm quyền hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

5. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm cuối cùng về tổ chức, phối hợp, kiểm soát và kết quả hoạt động của Ban điều hành, trừ trường hợp pháp luật quy định trách nhiệm trực tiếp của cá nhân khác.

Điều 34. Chế độ báo cáo, giới hạn thẩm quyền, quan hệ công tác và xử lý trách nhiệm đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập và thực hiện chế độ báo cáo phục vụ công tác quản trị, giám sát, kiểm soát và công bố thông tin của Công ty. Báo cáo của Tổng Giám đốc phải trung thực, đầy đủ, kịp thời, có số liệu, có căn cứ, có đánh giá rủi ro, có kiến nghị xử lý và có thể kiểm tra, đối chiếu.

2. Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư, nhân sự, lao động, công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, quản trị rủi ro và các vấn đề trọng yếu khác.

3. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ, tài liệu, dữ liệu và giải trình theo yêu cầu hợp pháp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc không báo cáo, báo cáo chậm, báo cáo không trung thực, che giấu thông tin, cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc cản trở hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm toán là căn cứ xem xét trách nhiệm của Tổng Giám đốc và cá nhân có liên quan.

4. Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc cơ quan có thẩm quyền khác; không được thực hiện giao dịch, hợp đồng, đầu tư, mua sắm, vay, cho vay, bảo lãnh, xử lý tài sản, sử dụng vốn hoặc cam kết nghĩa vụ tài chính khi chưa được phê duyệt theo thẩm quyền.

5. Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được che giấu thông tin, báo cáo sai lệch, trì hoãn thực hiện nhiệm vụ không có lý do chính đáng, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, cản trở hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm toán, sử dụng tài sản, thông tin, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền; được quyền chủ động điều hành hoạt động hằng ngày của Công

ty trong phạm vi được giao, đồng thời phải chịu sự giám sát, yêu cầu báo cáo, yêu cầu giải trình và kiểm tra của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị không điều hành thay Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc không được từ chối, trì hoãn hoặc né tránh nghĩa vụ báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin với lý do độc lập điều hành.

8. Tổng Giám đốc và người điều hành khác bị xem xét trách nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ, chậm trễ kéo dài không có lý do chính đáng, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, vượt thẩm quyền, báo cáo không trung thực, che giấu rủi ro, không kiểm soát được lĩnh vực được giao, gây thiệt hại cho Công ty, vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, trung thành hoặc vi phạm pháp luật.

9. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu khắc phục, yêu cầu giải trình, cảnh báo trách nhiệm, điều chỉnh phân công, tạm đình chỉ việc thực hiện một số nhiệm vụ theo thẩm quyền, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng hoặc áp dụng biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

10. Trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và cá nhân có liên quan phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Việc xử lý trách nhiệm phải bảo đảm khách quan, đúng trình tự, đúng thẩm quyền, có căn cứ, có hồ sơ và không được sử dụng để can thiệp trái quy định vào quyền điều hành hợp pháp của Tổng Giám đốc

CHƯƠNG VI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Vị trí, vai trò và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát độc lập của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản trị, điều hành, tài chính, tuân thủ pháp luật và việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

2. Công ty tổ chức mô hình quản trị có Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát không phải là Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị và không chịu sự chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng kiểm soát theo quy định.

3. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành; không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty; không quyết định thay Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

4. Ban kiểm soát có quyền kiểm tra, giám sát, yêu cầu cung cấp thông tin, yêu cầu giải trình, cảnh báo rủi ro và kiến nghị biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực, cẩn trọng, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, bảo mật thông tin và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, cổ đông và pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

6. Trong đặc thù Công ty cổ phần X20 là công ty đại chúng, doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, Ban kiểm soát có trách nhiệm chú trọng giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, việc tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, việc quản lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và việc kiểm soát các rủi ro trọng yếu trong toàn hệ thống.

Điều 36. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, điều kiện, việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về quản trị công ty đại chúng và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có phẩm chất trung thực, liêm chính, độc lập, khách quan; có năng lực chuyên môn phù hợp về tài chính, kế toán, kiểm toán, pháp luật, quản trị, kiểm soát nội bộ hoặc lĩnh vực khác phù hợp với hoạt động của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát không được thuộc các trường hợp bị cấm hoặc bị hạn chế theo quy định của pháp luật; không được có quan hệ, lợi ích hoặc vị trí làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong thực hiện chức năng kiểm soát.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát, điều phối việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, ký các báo cáo thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm về hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định.

6. Thành viên Ban kiểm soát phải thường xuyên cập nhật quy định pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản trị công ty đại chúng, quản lý vốn Nhà nước, tài chính, kế toán, kiểm toán, lao động, bảo hiểm xã hội, quốc phòng, an ninh và các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng trong quản trị, điều hành, tài chính, kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và việc tuân thủ Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, hợp đồng, giao dịch, hồ sơ quản trị, hồ sơ điều hành, tài liệu tài chính và các tài liệu khác của Công ty khi xét thấy cần thiết để thực hiện chức năng kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban điều hành, Kế toán trưởng, người quản lý, người điều hành, người đại diện phần vốn, đơn vị trực thuộc, công ty con và các cá nhân, bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu và giải trình phục vụ hoạt động kiểm soát.

4. Ban kiểm soát có quyền tham dự và phát biểu tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác khi nội dung cuộc họp có liên quan đến chức năng kiểm soát hoặc khi được mời theo quy định.

5. Ban kiểm soát có quyền kiến nghị Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, khắc phục sai phạm, xử lý rủi ro, hoàn thiện cơ chế quản trị, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính, quản lý vốn Nhà nước, công bố thông tin và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động.

6. Ban kiểm soát có nghĩa vụ thực hiện kiểm soát đúng phạm vi, đúng thẩm quyền, trung thực, khách quan, không lạm quyền, không cản trở hoạt động hợp pháp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành.

7. Ban kiểm soát có nghĩa vụ bảo mật thông tin, tài liệu, dữ liệu của Công ty; không được sử dụng thông tin có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 38. Phạm vi kiểm soát và nội dung giám sát trọng yếu

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ và các quyết định hợp pháp của Công ty.

2. Ban kiểm soát giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, tài chính, kế toán, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, nghĩa vụ với Nhà nước, nghĩa vụ với cổ đông, người lao động và các bên có quyền lợi liên quan.

3. Ban kiểm soát giám sát việc bảo toàn và phát triển phần vốn Nhà nước tại Công ty; việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn Nhà nước; việc quản lý vốn đầu tư của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác theo quy định.

4. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo mật thông tin, quản lý tài sản và nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

trong phạm vi phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước và pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh.

5. Ban kiểm soát giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và công ty đại chúng, đặc biệt đối với báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị, giao dịch với người có liên quan, thay đổi nhân sự quản lý, giao dịch có giá trị lớn và các thông tin bất thường khác.

6. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện nguyên tắc tách bạch giữa quản trị, điều hành và kiểm soát; phát hiện và kiến nghị xử lý các trường hợp chồng chéo thẩm quyền, vượt quyền, né trách nhiệm, trì hoãn thực hiện nhiệm vụ, che giấu thông tin hoặc báo cáo sai lệch.

7. Ban kiểm soát giám sát hoạt động của công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc thông qua báo cáo, hồ sơ, tài liệu và cơ chế kiểm soát của Công ty mẹ, nhưng không trực tiếp điều hành hoặc can thiệp trái quy định vào hoạt động hằng ngày của các đơn vị này.

8. Ban kiểm soát không thay thế chức năng kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, bộ phận pháp chế, bộ phận tài chính – kế toán hoặc Văn phòng Hội đồng quản trị; các bộ phận này có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin và thực hiện kiến nghị theo đúng thẩm quyền, chức năng được giao.

Điều 39. Quan hệ phối hợp của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan

1. Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị trên nguyên tắc độc lập, tôn trọng chức năng, không làm thay nhiệm vụ của nhau và bảo đảm hiệu quả giám sát hoạt động của Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm soát; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, nghị quyết, quyết định và thông tin cần thiết theo yêu cầu hợp pháp của Ban kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc, Ban điều hành, Kế toán trưởng, người quản lý, người điều hành, người đại diện phần vốn, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, công ty con và cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu và giải trình theo yêu cầu hợp pháp của Ban kiểm soát.

4. Ban kiểm soát phối hợp với Người phụ trách quản trị công ty, Văn phòng Hội đồng quản trị, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, bộ phận pháp chế, bộ phận kiểm soát nội bộ, bộ phận quản trị rủi ro và các bộ phận có liên quan trên nguyên tắc không chồng chéo, không thay thế chức năng, không làm phát sinh thêm cấp điều hành và bảo đảm sử dụng thông tin đúng mục đích kiểm soát.

5. Mọi hành vi cản trở hoạt động kiểm soát hợp pháp, trì hoãn cung cấp thông tin, cung cấp thông tin sai lệch, che giấu hồ sơ, không giải trình hoặc giải trình không trung thực theo yêu cầu của Ban kiểm soát đều là hành vi vi phạm Điều lệ và phải bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 40. Báo cáo của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm lập và trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát phải phản ánh trung thực, khách quan kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, kết quả giám sát hoạt động điều hành, tài chính, kế toán, kiểm toán, công bố thông tin, quản lý vốn Nhà nước và các vấn đề trọng yếu khác.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát phải nêu rõ các phát hiện, sai phạm, rủi ro, nguyên nhân, trách nhiệm liên quan, kiến nghị xử lý và tình trạng thực hiện kiến nghị kỳ trước nếu có.

4. Ban kiểm soát có quyền báo cáo đột xuất Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi phát hiện dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, rủi ro lớn, nguy cơ thất thoát vốn, tài sản, vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin, vi phạm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc hành vi có khả năng gây thiệt hại đáng kể cho Công ty.

5. Ban kiểm soát phải bảo đảm báo cáo đúng thời hạn, đúng thẩm quyền, có căn cứ, có hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan của báo cáo.

6. Trường hợp báo cáo của Ban kiểm soát có nội dung liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh, thông tin chưa công bố hoặc thông tin có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán, việc gửi, lưu giữ và công bố báo cáo phải tuân thủ quy định pháp luật về bảo mật và công bố thông tin.

Điều 41. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc chi trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho thành viên Ban kiểm soát phải bảo đảm công khai, minh bạch, tương xứng với trách nhiệm, thời gian làm việc, chất lượng thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Công ty.

3. Thành viên Ban kiểm soát không được nhận bất kỳ lợi ích nào trái pháp luật hoặc lợi ích có khả năng làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong hoạt động kiểm soát.

4. Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

5. Việc xác định, chi trả và công bố thông tin về tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát phải bảo đảm phù hợp với quy định áp

dụng đối với công ty đại chúng và quy định quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp nếu có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm cá nhân và xử lý vi phạm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ, kết luận, kiến nghị, báo cáo và các hành vi của mình trong quá trình thực hiện chức năng kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ; báo cáo không trung thực; che giấu sai phạm; không cảnh báo rủi ro thuộc phạm vi biết hoặc phải biết; tiết lộ thông tin mật; lạm dụng quyền kiểm soát; gây cản trở hoạt động hợp pháp của Công ty; hoặc có hành vi gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông, Nhà nước hoặc người lao động.

3. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát phát hiện sai phạm nhưng không báo cáo, không kiến nghị xử lý hoặc cố ý làm sai lệch nội dung kiểm soát thì phải chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, xử lý trách nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế nội bộ có liên quan.

5. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định chi tiết về chế độ làm việc, phân công nhiệm vụ, kế hoạch kiểm soát, phương thức kiểm tra, báo cáo, kiến nghị, theo dõi thực hiện kiến nghị, bảo mật thông tin và trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

6. Việc xử lý trách nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát phải bảo đảm khách quan, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có căn cứ, có hồ sơ và không được sử dụng để cản trở tính độc lập hợp pháp của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII

QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TY CON

Điều 43. Nguyên tắc quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty

1. Phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần X20 được quản lý theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển, công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước.

3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn Nhà nước và các cá nhân, bộ phận có liên quan phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn Nhà nước tại Công ty theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

4. Mọi quyết định liên quan đến phần vốn Nhà nước, tài sản của Công ty, đầu tư, chuyển nhượng vốn, mua bán tài sản, phân phối lợi nhuận, tổ chức lại doanh nghiệp, công ty con, công ty liên kết và các giao dịch có ảnh hưởng lớn đến vốn Nhà nước phải được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có hồ sơ, có căn cứ pháp lý, có đánh giá hiệu quả và có kiểm soát rủi ro.

5. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng vốn Nhà nước sai mục đích, làm thất thoát vốn, che giấu thông tin về vốn, quyết định vượt thẩm quyền, hợp thức hóa hồ sơ không đúng bản chất, chuyển dịch lợi ích trái pháp luật hoặc thực hiện giao dịch có nguy cơ gây thiệt hại cho Nhà nước, Công ty và cổ đông.

6. Trong trường hợp có xung đột giữa mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn và yêu cầu bảo toàn vốn Nhà nước, an toàn tài chính, tuân thủ pháp luật hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao hợp pháp, Công ty phải ưu tiên bảo toàn vốn, an toàn pháp lý và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định.

Điều 44. Trách nhiệm của Công ty trong bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước

1. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển phần vốn Nhà nước tại Công ty thông qua việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ tài sản, kiểm soát dòng tiền, kiểm soát đầu tư, quản lý công ty con, công ty liên kết và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm quyết định định hướng, chính sách, kế hoạch và cơ chế quản lý nhằm bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước; giám sát việc sử dụng vốn; kịp thời xem xét, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các rủi ro, sai phạm, thất thoát, lãng phí hoặc hiệu quả thấp trong quản lý vốn.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty, có trách nhiệm tổ chức hoạt động quản trị, giám sát và kiểm soát theo thẩm quyền nhằm bảo đảm các quyết định liên quan đến vốn Nhà nước được thực hiện đúng pháp luật, đúng Điều lệ, đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức sử dụng vốn, tài sản và nguồn lực của Công ty trong phạm vi điều hành được giao; bảo đảm vốn được sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch, đúng ngân sách, đúng thẩm quyền, tiết kiệm, hiệu quả và đạt mục tiêu đã được phê duyệt.

5. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ này quy định.

6. Người đại diện phần vốn Nhà nước có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông Nhà nước theo đúng quy định pháp luật, đúng chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước tại Công ty.

7. Trường hợp để xảy ra thất thoát vốn, thiệt hại tài sản hoặc suy giảm nghiêm trọng hiệu quả sử dụng vốn do vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, vượt thẩm quyền, thiếu trách nhiệm hoặc không kiểm soát rủi ro, cá nhân, bộ phận có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 45. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty

1. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty là cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cử hoặc giao nhiệm vụ để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện quyền cổ đông tương ứng với phần vốn Nhà nước tại Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu và nguyên tắc bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, Công ty và cổ đông.

3. Người đại diện phần vốn Nhà nước có trách nhiệm tham gia, biểu quyết, đề xuất, kiến nghị, báo cáo và thực hiện các quyền cổ đông Nhà nước theo đúng thẩm quyền, đúng nội dung được giao, đúng chỉ đạo và đúng quy định của pháp luật.

4. Người đại diện phần vốn Nhà nước có nghĩa vụ báo cáo định kỳ, đột xuất và xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung phải xin ý kiến trước theo quy định của pháp luật, quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy chế quản lý người đại diện phần vốn.

5. Người đại diện phần vốn Nhà nước không được tự ý biểu quyết, chấp thuận, cam kết hoặc quyết định đối với các vấn đề vượt thẩm quyền, chưa được xin ý kiến hoặc trái với chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

6. Người đại diện phần vốn Nhà nước không phải là một cấp quản lý nội bộ độc lập của Công ty, không điều hành thay Tổng Giám đốc, không quyết định thay Hội đồng quản trị, không làm thay chức năng của Ban kiểm soát, mà thực hiện quyền, trách nhiệm của cổ đông Nhà nước thông qua cơ chế cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cơ chế hợp pháp khác theo quy định.

7. Người đại diện phần vốn Nhà nước chịu trách nhiệm cá nhân đối với ý kiến, phiếu biểu quyết, quyết định, báo cáo, việc xin ý kiến, việc không xin ý kiến hoặc việc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ đại diện phần vốn theo quy định của pháp luật.

8. Quyền, nghĩa vụ, chế độ báo cáo, quy trình xin ý kiến, đánh giá, thay thế, miễn nhiệm, xử lý trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn Nhà nước được quy định cụ thể tại quy chế quản lý người đại diện phần vốn Nhà nước và các văn bản có liên quan của Công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Điều 46. Cơ chế phối hợp giữa người đại diện phần vốn Nhà nước với Công ty

1. Người đại diện phần vốn Nhà nước phối hợp với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan trong việc quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty trên nguyên tắc đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, không chồng chéo, không làm thay chức năng của các cơ quan quản trị, điều hành và kiểm soát trong Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời hồ sơ, tài liệu, báo cáo và thông tin cần thiết để người đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện nghĩa vụ báo cáo, xin ý kiến và thực hiện quyền cổ đông Nhà nước theo quy định.

3. Việc cung cấp thông tin cho người đại diện phần vốn Nhà nước phải bảo đảm đúng pháp luật về công bố thông tin, bảo mật thông tin, bí mật kinh doanh, bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng và các quy định nội bộ của Công ty.

4. Trường hợp người đại diện phần vốn Nhà nước phát hiện nội dung có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vượt thẩm quyền, gây rủi ro thất thoát vốn, ảnh hưởng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, ảnh hưởng quyền lợi cổ đông hoặc quyền lợi người lao động thì có trách nhiệm kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền và kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

5. Mọi hành vi cản trở người đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, che giấu thông tin, cung cấp thông tin sai lệch hoặc gây áp lực trái quy định đối với người đại diện phần vốn Nhà nước đều bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Việc phối hợp giữa người đại diện phần vốn Nhà nước với Công ty phải được thực hiện bằng văn bản, hồ sơ, báo cáo, nghị quyết, biên bản hoặc phương thức hợp pháp khác có thể kiểm tra, đối chiếu, lưu trữ và truy trách nhiệm.

Điều 47. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác

1. Công ty thực hiện quyền của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn đối với công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Việc quản lý vốn đầu tư của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác phải bảo đảm nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả, minh bạch, không thất thoát, không lạm dụng, không đầu tư dàn trải, không đầu tư ngoài chiến lược, không đầu tư vượt thẩm quyền và không làm ảnh hưởng bất lợi đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty.

3. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề liên quan đến đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, tăng giảm vốn, cử người đại diện phần vốn, phê duyệt định hướng chiến lược, kế hoạch lớn, giao dịch trọng yếu và các vấn đề thuộc thẩm quyền đối với công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp có vốn góp; theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động, hiệu quả sử dụng vốn, rủi ro, nghĩa vụ tài chính và các vấn đề phát sinh theo quy định.

5. Ban kiểm soát có quyền giám sát việc quản lý vốn đầu tư của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

6. Người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện quyền của Công ty tại doanh nghiệp được cử làm đại diện theo đúng chỉ đạo, nghị quyết, quyết định và quy chế của Công ty.

7. Nội dung chi tiết về quản lý vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác, quyền và trách nhiệm của người đại diện phần vốn, chế độ báo cáo, đánh giá hiệu quả, xử lý rủi ro và xử lý trách nhiệm được quy định tại quy chế quản lý vốn đầu tư, quy chế người đại diện phần vốn và quy chế quản lý công ty con của Công ty.

Điều 48. Nguyên tắc quản lý công ty con và đơn vị trực thuộc

1. Công ty thực hiện quyền đối với công ty con và đơn vị trực thuộc trên cơ sở pháp luật, Điều lệ này, Điều lệ của công ty con, quy chế nội bộ của Công ty và nguyên tắc tôn trọng tư cách pháp lý độc lập của công ty con.

2. Đối với công ty con, Công ty thực hiện quyền chủ sở hữu, quyền cổ đông hoặc quyền thành viên góp vốn thông qua Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn và các cơ chế quản trị theo quy định; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động điều hành hằng ngày của công ty con trái với quy định của pháp luật.

3. Đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, trung tâm, trường, ban, bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc khác, Công ty thực hiện quản lý trực tiếp theo mô hình tổ chức nội bộ, phân cấp, ủy quyền, kế hoạch, ngân sách, quy chế và quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện chiến lược, kế hoạch, chỉ tiêu, nhiệm vụ, chế độ báo cáo, nghĩa vụ tài chính, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các quy định quản trị, kiểm soát của Công ty trong phạm vi được áp dụng.

5. Việc quản lý công ty con và đơn vị trực thuộc phải bảo đảm không chồng chéo giữa quản trị và điều hành; rõ quyền, rõ trách nhiệm, rõ kết quả; kiểm soát được vốn, tài sản, con người, chất lượng, tiến độ, chi phí, rủi ro và hiệu quả hoạt động.

6. Người đứng đầu công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả hoạt động, việc sử dụng vốn, tài sản, lao động, tài chính, chất lượng sản phẩm, tiến độ thực hiện nhiệm vụ và việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy chế nội bộ trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

7. Công ty không sử dụng quyền chủ sở hữu tại công ty con để hợp thức hóa quyết định trái pháp luật, che giấu rủi ro, chuyển dịch lợi ích, né tránh nghĩa vụ tài

chính, né tránh trách nhiệm đối với người lao động hoặc làm sai lệch kết quả hoạt động của công ty con.

Điều 49. Người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác

1. Người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác là cá nhân được Công ty cử hoặc giao nhiệm vụ để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty với tư cách chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại doanh nghiệp đó.

2. Người đại diện phần vốn của Công ty có trách nhiệm thực hiện quyền biểu quyết, đề xuất, báo cáo, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp được cử làm đại diện.

3. Người đại diện phần vốn của Công ty phải thực hiện đúng chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc cấp có thẩm quyền của Công ty; không được tự ý quyết định, biểu quyết, cam kết đối với nội dung vượt thẩm quyền hoặc chưa được Công ty cho ý kiến theo quy định.

4. Người đại diện phần vốn có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực, kịp thời về tình hình hoạt động, tài chính, đầu tư, nhân sự, rủi ro, giao dịch trọng yếu, phân phối lợi nhuận, nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ với người lao động và các vấn đề phát sinh tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

5. Người đại diện phần vốn chịu trách nhiệm cá nhân trong trường hợp không báo cáo, báo cáo không trung thực, biểu quyết trái chỉ đạo, không bảo vệ lợi ích của Công ty, để xảy ra thất thoát vốn hoặc gây thiệt hại cho Công ty theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác không được lợi dụng vị trí đại diện vốn để trục lợi, che giấu thông tin, ưu tiên lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của tổ chức khác trái với lợi ích hợp pháp của Công ty.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự cử, thay thế, miễn nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, chế độ báo cáo và trách nhiệm của người đại diện phần vốn được quy định cụ thể tại quy chế người đại diện phần vốn của Công ty.

Điều 50. Kiểm soát kế hoạch, tài chính, đầu tư và rủi ro tại công ty con, đơn vị trực thuộc

1. Công ty thực hiện kiểm soát công ty con, chi nhánh và đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống kế hoạch, ngân sách, báo cáo, giám sát, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, đánh giá hiệu quả và cơ chế trách nhiệm cá nhân.

2. Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị trực thuộc phải xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư, kế hoạch lao động, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các kế hoạch liên quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt hoặc cho ý kiến theo quy định.

3. Mọi hoạt động đầu tư, mua sắm, vay, cho vay, bảo lãnh, xử lý tài sản, ký kết hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hoặc có rủi ro cao tại công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc phải được thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng quy chế, có hồ sơ, có thẩm định, có đánh giá hiệu quả và có kiểm soát rủi ro.

4. Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc không được thực hiện giao dịch, dự án, hợp đồng, đầu tư, mua sắm hoặc cam kết nghĩa vụ tài chính vượt thẩm quyền, ngoài kế hoạch, không có nguồn vốn bảo đảm hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty.

5. Khi phát sinh sai lệch lớn so với kế hoạch, rủi ro tài chính, rủi ro pháp lý, rủi ro lao động, rủi ro chất lượng, rủi ro môi trường, rủi ro quốc phòng, rủi ro công bố thông tin hoặc nguy cơ thất thoát vốn, người đứng đầu công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc và người đại diện phần vốn phải báo cáo kịp thời cho Công ty theo quy định.

6. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các bộ phận chức năng của Công ty thực hiện kiểm soát, giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động của công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc theo đúng phạm vi thẩm quyền, không làm thay hoạt động điều hành hằng ngày nhưng phải bảo đảm không để mất kiểm soát vốn, tài sản, con người, nhiệm vụ và rủi ro.

7. Nội dung chi tiết về hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, hạn mức, quy trình phê duyệt, cơ chế cảnh báo, cơ chế xử lý sai lệch và trách nhiệm của công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc được quy định tại quy chế quản lý công ty con, quy chế tài chính, quy chế phân cấp ủy quyền và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 51. Trách nhiệm và xử lý vi phạm trong quản lý vốn Nhà nước, người đại diện vốn và công ty con

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý vốn Nhà nước, quản lý phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác, quản lý người đại diện phần vốn, quản lý công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Các hành vi vi phạm bao gồm nhưng không giới hạn ở việc quyết định vượt thẩm quyền; sử dụng vốn, tài sản sai mục đích; làm thất thoát vốn, tài sản; che giấu thông tin; báo cáo sai lệch; không xin ý kiến khi thuộc diện phải xin ý kiến; biểu quyết trái chỉ đạo; không kiểm soát rủi ro; trì hoãn xử lý sai phạm; để công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc hoạt động ngoài phạm vi được phê duyệt; hoặc làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty.

3. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Nhà nước, Công ty, cổ đông, công ty con, người lao động hoặc bên thứ ba, cá nhân, tổ chức vi phạm phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị có quyền xem xét, quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý đối với người đại diện phần vốn, người quản lý, người điều hành, người đứng đầu đơn vị hoặc cá nhân có liên quan khi phát hiện vi phạm, không hoàn thành nhiệm vụ, không bảo vệ lợi ích của Công ty hoặc có nguy cơ gây thiệt hại.

5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức xử lý, khắc phục các sai lệch trong phạm vi điều hành được giao và báo cáo Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định.

6. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát việc xử lý vi phạm, khắc phục sai lệch, thực hiện kiến nghị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng theo quy định.

7. Các quy trình chi tiết về đánh giá, cảnh báo, xử lý trách nhiệm, thay thế người đại diện phần vốn, xử lý rủi ro tại công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc được quy định tại các quy chế nội bộ chuyên ngành của Công ty.

CHƯƠNG VIII

DOANH NGHIỆP QUỐC PHÒNG – LƯỠNG DỤNG, TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG TRONG CÔNG TY

Điều 52. Nguyên tắc hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng

1. Công ty cổ phần X20 là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, công ty đại chúng, đồng thời là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; thực hiện đồng thời nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Hoạt động của Công ty phải bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, bảo toàn và phát triển vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh với thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, xây dựng năng lực sản xuất quốc phòng, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và sản phẩm phục vụ lực lượng vũ trang theo yêu cầu của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong trường hợp phát sinh xung đột giữa mục tiêu kinh tế ngắn hạn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao hợp pháp, Công ty ưu tiên thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đồng thời Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức phương án điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, nhân lực và nguồn lực phù hợp để hạn chế tác động bất lợi đến hiệu quả chung của Công ty, quyền lợi hợp pháp của cổ đông và người lao động.

4. Việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng kế hoạch, đúng tiêu chuẩn, đúng chất lượng, đúng tiến độ, có kiểm soát chi phí, kiểm soát rủi ro và tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, an ninh, bí mật kinh doanh và nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với công ty đại chúng.

5. Công ty phát triển năng lực lưỡng dụng trên cơ sở tận dụng hiệu quả hệ thống nhà xưởng, công nghệ, nhân lực, kinh nghiệm sản xuất, chuỗi cung ứng và năng lực quản trị nhằm phục vụ đồng thời yêu cầu quốc phòng, an ninh và nhu cầu thị trường dân sinh, xuất khẩu, thương mại, dịch vụ phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

6. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh không được làm suy giảm năng lực thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, không làm thất thoát vốn, tài sản, không làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, không vi phạm quy định về bảo mật và không trái với chỉ đạo hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 53. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

1. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các định hướng, kế hoạch, phương án đầu tư, phương án tổ chức nguồn lực, phương án duy trì năng lực sản xuất và cơ chế kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức hoạt động quản trị và giám sát nhằm bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được triển khai đúng chủ trương, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, đúng nghị quyết của Hội đồng quản trị, không để xảy ra tình trạng buông lỏng quản trị, chậm trễ, sai lệch hoặc mất kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong hoạt động điều hành; bảo đảm kế hoạch sản xuất, tiến độ, chất lượng, an toàn, bảo mật, chi phí, nhân lực, vật tư, công nghệ và năng lực giao hàng theo yêu cầu được giao.

4. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, người quản lý, người điều hành và người lao động có liên quan có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo phân công, kế hoạch, mệnh lệnh sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình chất lượng, quy định bảo mật và các yêu cầu quản lý chuyên ngành.

5. Việc chậm trễ, không hoàn thành, thực hiện không đúng yêu cầu, làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ, bảo mật hoặc uy tín của Công ty trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được xem là vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm quản trị, điều hành hoặc thực hiện nhiệm vụ và phải bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Trường hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phát sinh yêu cầu điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, ngân sách, nhân lực, vật tư, công nghệ hoặc năng lực sản xuất, Tổng Giám đốc có trách nhiệm kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và cơ quan có thẩm quyền theo quy định để xem xét, quyết định hoặc tổ chức thực hiện trong phạm vi thẩm quyền được giao.

Điều 54. Quản lý tài sản, công nghệ, nguồn lực và thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

1. Tài sản, thiết bị, công nghệ, tài liệu, dữ liệu, vật tư, sản phẩm, hợp đồng và các nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải được quản lý chặt chẽ, đúng mục đích, đúng chế độ, đúng quy định về tài chính, tài sản, kế toán, kiểm kê, bảo mật và kiểm soát nội bộ.

2. Công ty không được sử dụng tài sản, thiết bị, vật tư, công nghệ hoặc nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh vào mục đích trái pháp luật, trái nhiệm vụ được giao, trái Điều lệ này hoặc có nguy cơ làm ảnh hưởng đến khả năng sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Các thông tin, tài liệu, dữ liệu, mẫu sản phẩm, định mức kỹ thuật, quy trình công nghệ, hợp đồng, kế hoạch sản xuất, danh mục khách hàng, sản phẩm, số lượng, tiến độ và các thông tin khác liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải được quản lý theo quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh, quy chế bảo mật của Công ty và quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng.

4. Cá nhân, bộ phận, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản, công nghệ, tài liệu, dữ liệu và nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chịu trách nhiệm cá nhân hoặc trách nhiệm đơn vị nếu để mất mát, thất thoát, lộ lọt thông tin, sử dụng sai mục đích hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

5. Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các bộ phận kiểm soát có thẩm quyền thực hiện giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản, công nghệ, nguồn lực và thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Việc cung cấp, công bố, chuyển giao, lưu trữ, sao chụp, khai thác, sử dụng hoặc tiêu hủy thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng quy trình và bảo đảm kiểm soát được người tiếp cận, mục đích sử dụng, thời hạn lưu giữ và trách nhiệm bảo mật.

Điều 55. Kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh

1. Công ty thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh gắn với chiến lược phát triển doanh nghiệp từng giai đoạn đã được phê duyệt, trong đó chú trọng nâng cao năng lực sản xuất hàng quốc phòng, hiện đại hóa công nghệ dệt – nhuộm – in – may, phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển sản phẩm, quản trị chất lượng, quản trị chuỗi cung ứng, khai thác hiệu quả tài sản và mở rộng thị trường phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty được phát triển hoạt động kinh tế, thương mại, dịch vụ, xuất khẩu, khai thác tài sản, hợp tác, liên doanh, liên kết, thương mại điện tử và các ngành nghề đã đăng ký, nhưng phải bảo đảm không làm suy giảm khả năng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, không làm thất thoát vốn, không ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp quốc phòng và không trái chỉ đạo hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Các dự án đầu tư, mua sắm, hợp tác, chuyển giao công nghệ, liên doanh, liên kết, khai thác tài sản hoặc mở rộng ngành nghề có liên quan đến năng lực quốc

phòng, an ninh hoặc tài sản có nguồn gốc, công năng phục vụ quốc phòng, an ninh phải được xem xét thận trọng, đánh giá đầy đủ tác động pháp lý, tài chính, quốc phòng, bảo mật, môi trường, lao động và rủi ro trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Công ty khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo, quản trị dữ liệu, nâng cao năng suất lao động và phát triển văn hóa doanh nghiệp X20 trên nền tảng kỷ luật, chính trực, trách nhiệm, đoàn kết, sáng tạo và phụng sự nhiệm vụ chung.

5. Việc kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với hoạt động kinh tế phải được quản trị bằng chiến lược, kế hoạch, ngân sách, chỉ tiêu, báo cáo, kiểm soát rủi ro và trách nhiệm giải trình, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông, người lao động, khách hàng và các bên liên quan.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát để chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh không làm lệch nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và không tạo rủi ro đối với phần vốn Nhà nước, quyền lợi cổ đông, quyền lợi người lao động, uy tín và thương hiệu X20.

Điều 56. Công đoàn trong Công ty

1. Tổ chức Công đoàn trong Công ty được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về công đoàn, lao động, bảo hiểm xã hội và các quy định có liên quan.

2. Công đoàn là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; phối hợp với Công ty trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động, văn hóa doanh nghiệp và kỷ luật lao động.

3. Công đoàn có quyền tham gia ý kiến, giám sát, kiến nghị đối với các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế phối hợp trong Công ty.

4. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị trong Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để Công đoàn hoạt động đúng chức năng, đúng pháp luật; cung cấp thông tin cần thiết theo quy định; tổ chức đối thoại, thương lượng, trao đổi, phối hợp giải quyết kiến nghị của người lao động trong phạm vi thẩm quyền.

5. Công đoàn không thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp, không ra quyết định điều hành, không can thiệp trái quy định vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các cơ quan quản lý của Công ty.

6. Mọi kiến nghị, đề xuất của Công đoàn liên quan đến quản trị, điều hành, chế độ chính sách, lao động, tiền lương, phúc lợi, an toàn, vệ sinh lao động và quan hệ lao động phải được thực hiện thông qua cơ chế đối thoại, phối hợp, giám sát, kiến nghị theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

7. Công đoàn phối hợp với Công ty trong việc tuyên truyền, vận động người lao động chấp hành nội quy lao động, kỷ luật lao động, kỷ luật sản xuất, kỷ luật bảo mật, kỷ luật quốc phòng và văn hóa doanh nghiệp X20; không được lợi dụng hoạt động công đoàn để cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty.

Điều 57. Tổ chức Đảng, các tổ chức quần chúng trong Công ty

1. Tổ chức Đảng trong Công ty hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, quy định của Đảng và pháp luật có liên quan, giữ vai trò lãnh đạo chính trị, tư tưởng, định hướng xây dựng tổ chức vững mạnh, bảo đảm Công ty hoạt động đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng.

2. Các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức quần chúng trong Công ty được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, điều lệ của từng tổ chức và quy định nội bộ của Công ty; có trách nhiệm tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, người lao động thực hiện nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật lao động, kỷ luật quốc phòng, văn hóa doanh nghiệp và các quy định của Công ty.

3. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức quần chúng khác phải phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty, nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và yêu cầu bảo mật, an toàn, kỷ luật của doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng.

4. Các tổ chức chính trị – xã hội và tổ chức quần chúng không làm thay chức năng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và bộ máy quản lý doanh nghiệp; không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động quản trị, điều hành, kiểm soát của Công ty.

5. Công ty khuyến khích các tổ chức chính trị – xã hội và tổ chức quần chúng tham gia xây dựng văn hóa X20, phát huy truyền thống doanh nghiệp quân đội, nâng cao ý thức trách nhiệm, kỷ luật, đoàn kết, sáng tạo, tinh thần phục vụ và sự gắn bó của người lao động với Công ty.

6. Việc phối hợp giữa tổ chức Đảng, Công đoàn, các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức quần chúng với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị trong Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật, điều lệ của từng tổ chức, quy chế phối hợp và các quy định nội bộ có liên quan, bảo đảm không chồng chéo chức năng, không làm phát sinh cơ chế quyền lực ngoài Điều lệ và pháp luật.

Điều 58. Đối thoại, quan hệ lao động và trách nhiệm với người lao động

1. Công ty thực hiện đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế dân chủ cơ sở và các cơ chế quan hệ lao động khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách lao động, tiền lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, đào tạo, kỷ luật lao động, phúc lợi và các chế độ khác đối với người lao động theo quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của cấp có thẩm quyền và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng quản trị giám sát việc xây dựng và thực hiện chính sách lớn về lao động, tiền lương, phúc lợi, an toàn lao động, văn hóa doanh nghiệp và nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, khả năng tài chính và quy định pháp luật.

4. Công đoàn có trách nhiệm phối hợp với Tổng Giám đốc và các đơn vị trong việc tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện chính sách đối với người lao động; tham gia bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định.

5. Người lao động có trách nhiệm chấp hành pháp luật, Điều lệ, nội quy lao động, quy chế, quy trình, kỷ luật điều hành, kỷ luật tài chính, kỷ luật bảo mật, kỷ luật quốc phòng, văn hóa doanh nghiệp và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm, năng suất, chất lượng, hiệu quả.

6. Việc không thực hiện hoặc chậm giải quyết các quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động; vi phạm quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn lao động; hoặc để phát sinh tranh chấp lao động do lỗi quản lý thì người quản lý, người điều hành và bộ phận có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

7. Trong đặc thù Công ty là doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, người lao động ngoài nghĩa vụ lao động theo hợp đồng còn có trách nhiệm chấp hành yêu cầu về bảo mật, kỷ luật sản xuất, kỷ luật chất lượng, kỷ luật tiến độ và các quy định phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo phân công hợp pháp của Công ty.

8. Chính sách đối với người lao động phải gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả, kết quả công việc, mức độ tuân thủ kỷ luật, đóng góp thực tế và khả năng tài chính của Công ty; không được hiểu là nghĩa vụ bảo đảm thu nhập cố định ngoài quy định của pháp luật, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy và quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

CHƯƠNG IX

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 59. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Công ty thực hiện quản lý tài chính theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật, công khai, minh bạch, trung thực, hiệu quả, tiết kiệm, có kiểm soát và bảo đảm an toàn tài chính.

2. Hoạt động tài chính của Công ty phải phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về kế toán, kiểm toán, thuế, quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

3. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn, đặc biệt là phần vốn Nhà nước tại Công ty; không được sử dụng vốn, tài sản sai mục đích, không được để thất thoát, lãng phí, không được thực hiện giao dịch tài chính vượt thẩm quyền hoặc có rủi ro không được kiểm soát.

4. Mọi khoản thu, chi, đầu tư, vay, cho vay, bảo lãnh, mua sắm, thanh lý, chuyển nhượng, sử dụng tài sản và các giao dịch tài chính khác phải có căn cứ, có hồ sơ, có thẩm quyền phê duyệt, có chứng từ hợp lệ, có thể kiểm tra, đối chiếu và xác định trách nhiệm cá nhân.

5. Trong đặc thù Công ty là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, việc quản lý tài chính phải đồng thời bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nghĩa vụ với Nhà nước, quyền lợi cổ đông, quyền lợi người lao động, an toàn tài chính và yêu cầu bảo mật thông tin theo quy định.

6. Việc quản lý tài chính không được tách rời trách nhiệm quản trị, điều hành và kiểm soát. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát tài chính ở cấp quản trị; Tổng Giám đốc tổ chức điều hành tài chính trong phạm vi được giao; Ban kiểm soát thực hiện giám sát độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 60. Kế hoạch tài chính, ngân sách và kiểm soát dòng tiền

1. Công ty xây dựng kế hoạch tài chính, ngân sách hằng năm phù hợp với chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch lao động, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu bảo toàn vốn của Công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch tài chính, ngân sách, định hướng sử dụng vốn, chính sách quản lý dòng tiền và các vấn đề tài chính thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, ngân sách, kế hoạch dòng tiền sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm việc sử dụng vốn, tài sản và nguồn lực tài chính đúng mục tiêu, đúng kế hoạch, đúng ngân sách, đúng thẩm quyền, tiết kiệm và hiệu quả.

4. Việc điều chỉnh kế hoạch tài chính, ngân sách, dòng tiền, nguồn vốn hoặc các chỉ tiêu tài chính trọng yếu phải được thực hiện theo đúng thẩm quyền, có căn cứ, có phân tích tác động, có đánh giá rủi ro và có phương án xử lý phù hợp.

5. Công ty phải kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, công nợ phải thu, công nợ phải trả, hàng tồn kho, nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ với người lao động, nghĩa vụ với cổ đông, nghĩa vụ với Nhà nước và các nghĩa vụ tài chính khác nhằm bảo đảm khả năng thanh toán, an toàn tài chính và hiệu quả sử dụng vốn.

6. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm đối với việc quản lý dòng tiền, kiểm soát ngân sách, kiểm soát chi phí, quản lý công nợ, quản lý hàng tồn kho và bảo đảm tính chính xác, trung thực, kịp thời của thông tin tài chính trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

7. Nội dung chi tiết về lập, phê duyệt, điều chỉnh, kiểm soát kế hoạch tài chính, ngân sách, dòng tiền, hạn mức chi tiêu, thẩm quyền phê duyệt và chế độ báo cáo tài chính nội bộ được quy định tại Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp, ủy quyền và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 61. Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và chế độ kế toán

1. Công ty mở tài khoản tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam và có thể mở tài khoản ở nước ngoài theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động của Công ty.

2. Việc mở, sử dụng, quản lý, ủy quyền sử dụng tài khoản ngân hàng, ký chứng từ ngân hàng, lệnh chi, ủy nhiệm chi, chứng từ thanh toán và giao dịch tài chính phải thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế tài chính và Quy chế phân quyền ký của Công ty.

3. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Công ty thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Công ty phải lập, ghi chép, quản lý và lưu trữ đầy đủ sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, hồ sơ tài chính, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật.

6. Mọi số liệu kế toán, tài chính, giá thành, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, công nợ, tồn kho, dòng tiền và các chỉ tiêu tài chính khác phải được phản ánh trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời và có thể kiểm tra, đối chiếu.

7. Kế toán trưởng có quyền từ chối thực hiện hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đối với yêu cầu lập chứng từ, ghi nhận nghiệp vụ, thanh toán, hạch toán hoặc báo cáo tài chính trái pháp luật, trái Điều lệ, trái chuẩn mực kế toán hoặc không có hồ sơ, chứng từ hợp lệ.

Điều 62. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và trách nhiệm về số liệu

1. Công ty lập báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính quý và các báo cáo tài chính khác theo quy định của pháp luật về kế toán, chứng khoán và công ty đại chúng.

2. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố thông tin theo quy định.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tình hình sử dụng vốn, báo cáo công nợ, báo cáo dòng tiền, báo cáo đầu tư, báo cáo quản lý công ty con và các báo cáo khác theo quy định.

4. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, kiểm soát số liệu kế toán, lập và trình ký báo cáo tài chính theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm tính trung thực, hợp lý, hợp lệ và nhất quán của số liệu.

5. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát việc lập, kiểm toán, trình, thông qua và công bố báo cáo tài chính; Ban kiểm soát có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các báo cáo khác theo quy định.

6. Người lập, cung cấp, kiểm tra, phê duyệt, ký hoặc công bố báo cáo phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với tính trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời của số liệu và nội dung báo cáo trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

7. Nghiêm cấm mọi hành vi làm sai lệch số liệu kế toán, che giấu doanh thu, chi phí, công nợ, rủi ro, nghĩa vụ tài chính, thất thoát tài sản hoặc cung cấp thông tin tài chính không trung thực cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước, cơ quan quản lý Nhà nước, kiểm toán hoặc bên có thẩm quyền.

8. Trường hợp phát hiện sai lệch số liệu, báo cáo không trung thực, rủi ro tài chính trọng yếu hoặc dấu hiệu thất thoát vốn, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các cá nhân có liên quan phải kịp thời báo cáo, giải trình, đề xuất biện pháp khắc phục và chịu trách nhiệm theo quy định.

Điều 63. Kiểm toán

1. Công ty thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập, chứng khoán, công ty đại chúng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong danh sách được chấp thuận theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty phải bảo đảm điều kiện hành nghề, tính độc lập, khách quan và tuân thủ chuẩn mực kiểm toán theo quy định.

4. Công ty có thể tổ chức kiểm toán nội bộ, kiểm toán chuyên đề, kiểm toán tuân thủ hoặc kiểm toán theo yêu cầu quản trị nhằm tăng cường kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, bảo vệ tài sản, nâng cao hiệu quả quản trị và phòng ngừa sai phạm.

5. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý, người điều hành, công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời hồ sơ, tài liệu, số liệu và giải trình phục vụ hoạt động kiểm toán.

6. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có trách nhiệm xem xét, xử lý, khắc phục các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán, thư quản lý, kiến nghị kiểm toán và các cảnh báo rủi ro có liên quan.

7. Mọi hành vi cản trở hoạt động kiểm toán, che giấu hồ sơ, làm sai lệch số liệu, cung cấp thông tin không trung thực hoặc không thực hiện kiến nghị kiểm toán

thuộc trách nhiệm phải bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

8. Kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập không thay thế trách nhiệm quản trị của Hội đồng quản trị, trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc, trách nhiệm tổ chức kế toán của Kế toán trưởng và trách nhiệm giám sát độc lập của Ban kiểm soát.

Điều 64. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

1. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, nghĩa vụ tài chính đã hoàn thành, nhu cầu tái đầu tư, yêu cầu bảo toàn vốn, tình hình dòng tiền, khả năng thanh toán và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty chỉ được chia lợi nhuận, chia cổ tức khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn sau khi chia cổ tức, không làm ảnh hưởng đến an toàn tài chính, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nguyên tắc bảo toàn vốn Nhà nước.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức, việc trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, phương án trích lập quỹ và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sau khi được thông qua.

5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập phương án phân phối lợi nhuận, cung cấp số liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, đánh giá khả năng thanh toán, nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ quốc phòng, đầu tư phát triển, nghĩa vụ với Nhà nước, nghĩa vụ với người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác để trình Hội đồng quản trị xem xét.

6. Lợi nhuận của Công ty được phân phối theo trình tự phù hợp với quy định của pháp luật, bao gồm bù đắp lỗ của các năm trước nếu có, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, trích lập các quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chia cổ tức cho cổ đông.

7. Phần lợi nhuận tương ứng với phần vốn Nhà nước tại Công ty được quản lý, phân phối, nộp, giữ lại hoặc sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

8. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc lập, trình, thông qua và thực hiện phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định.

9. Nghiêm cấm việc lập phương án phân phối lợi nhuận trên cơ sở số liệu sai lệch, che giấu lỗ, che giấu nghĩa vụ tài chính, che giấu rủi ro hoặc làm ảnh hưởng đến nguyên tắc bảo toàn vốn Nhà nước và khả năng thanh toán của Công ty.

Điều 65. Cổ tức và thanh toán cổ tức

1. Cổ tức được trả cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, loại cổ phần và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, thủ tục, danh sách cổ đông được nhận cổ tức, hình thức thanh toán cổ tức và tổ chức chi trả cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Cổ tức được chi trả theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc chi trả cổ tức phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng tỷ lệ, đúng thời hạn, công khai, minh bạch, có hồ sơ, chứng từ đầy đủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Công ty không được chi trả cổ tức trái quy định, chi trả khi chưa đủ điều kiện, chi trả làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hoặc làm suy giảm trái pháp luật vốn, tài sản, an toàn tài chính của Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức trái quy định, người quyết định, người tham mưu, người thực hiện và cổ đông nhận cổ tức không đúng quy định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

7. Việc chi trả cổ tức đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 66. Kiểm soát tài chính, trách nhiệm cá nhân và xử lý vi phạm

1. Công ty thiết lập cơ chế kiểm soát tài chính nhằm bảo vệ vốn, tài sản, dòng tiền, dữ liệu tài chính, báo cáo tài chính, hiệu quả đầu tư, phân phối lợi nhuận, cổ tức và nghĩa vụ tài chính của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát hệ thống quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán, phân phối lợi nhuận và bảo toàn vốn; Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện vai trò giám sát theo thẩm quyền; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức điều hành, quản lý và kiểm soát tài chính trong hoạt động hằng ngày; Ban kiểm soát thực hiện giám sát độc lập theo quy định.

3. Các quyết định tài chính, đầu tư, sử dụng vốn, sử dụng tài sản, vay, cho vay, bảo lãnh, mua sắm, thanh lý, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức phải xác định rõ người đề xuất, người thẩm định, người phê duyệt, người thực hiện, người kiểm tra và trách nhiệm cá nhân liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán, phân phối lợi nhuận, cổ tức, quản lý vốn Nhà nước, quản lý tài sản, công bố thông tin tài chính hoặc nghĩa vụ báo cáo thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả phải bị xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

5. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông, người lao động hoặc bên thứ ba, cá nhân, tổ chức có liên quan phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định.

6. Việc xử lý trách nhiệm về tài chính phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có hồ sơ, có căn cứ, có kết luận rõ ràng, không làm thay đổi trách nhiệm bồi thường hoặc trách nhiệm pháp lý khác theo quy định của pháp luật.

7. Nội dung chi tiết về quản lý tài chính, kế toán, ngân sách, dòng tiền, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, quản lý quỹ, kiểm soát tài chính và xử lý trách nhiệm được quy định tại Quy chế tài chính, Quy chế kiểm soát nội bộ và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

CHƯƠNG X

CÔNG BỐ THÔNG TIN, QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 67. Nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm công bố thông tin

1. Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Việc công bố thông tin phải bảo đảm chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, dễ tiếp cận, đúng thẩm quyền, đúng hình thức và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

3. Thông tin công bố phải phản ánh đúng bản chất sự việc, không được gây hiểu nhầm cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và các bên có quyền lợi liên quan.

4. Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung công bố thông tin bao gồm báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, thay đổi nhân sự quản lý, giao dịch với người có liên quan, giao dịch có giá trị lớn, thay đổi vốn, cổ phần, cổ tức, kiểm toán, rủi ro trọng yếu và các thông tin khác theo quy định pháp luật.

6. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát chung đối với hoạt động công bố thông tin của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị, với tư cách người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, tổng hợp, kiểm tra, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin phục vụ công bố thông tin; chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ của thông tin thuộc phạm vi điều hành.

8. Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị công ty và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy chế nội bộ và văn bản phân công, ủy quyền hợp pháp.

9. Mọi cá nhân tham gia lập, cung cấp, thẩm định, phê duyệt hoặc công bố thông tin phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với phần việc, nội dung, số liệu, hồ sơ và ý kiến của mình.

10. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng và yêu cầu bảo mật thông tin liên quan đến quốc phòng, an ninh, Công ty thực hiện công bố thông tin trong phạm vi pháp luật cho phép, tuân thủ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và bảo đảm không che giấu thông tin phải công bố theo quy định pháp luật.

Điều 68. Cung cấp, kiểm soát và bảo mật thông tin nội bộ

1. Công ty thiết lập hệ thống quản lý thông tin nội bộ nhằm phục vụ hoạt động quản trị, điều hành, kiểm soát, công bố thông tin và thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy định.

2. Thông tin nội bộ phải được quản lý tập trung, thống nhất, có phân quyền, có bảo mật, có lưu trữ và có khả năng kiểm tra, truy xuất khi cần thiết.

3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty, người đại diện phần vốn và các chủ thể có thẩm quyền được cung cấp thông tin phục vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, công ty con, người đại diện phần vốn và các bộ phận chuyên môn có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu hợp pháp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Công ty thực hiện bảo mật đối với thông tin chưa công bố, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí mật tài chính, bí mật nhân sự, dữ liệu nội bộ, thông tin khách hàng, thông tin hợp đồng, thông tin liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước theo quy định.

6. Các thông tin liên quan đến sản phẩm quốc phòng, đơn hàng quốc phòng, kế hoạch sản xuất quốc phòng, quy trình kỹ thuật, định mức, mẫu mã, năng lực sản xuất, khách hàng quốc phòng, dữ liệu phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các thông tin khác thuộc diện bảo mật phải được quản lý theo chế độ bảo mật phù hợp.

7. Việc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước, kiểm toán, đối tác, khách hàng hoặc bên thứ ba phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng quy định về công bố thông tin và không làm lộ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh hoặc thông tin chưa được phép công bố.

8. Nghiêm cấm mọi hành vi che giấu thông tin, cung cấp thông tin sai lệch, trì hoãn cung cấp thông tin trái quy định, sử dụng thông tin nội bộ để trục lợi, tiết lộ

thông tin mật hoặc làm sai lệch dữ liệu phục vụ quản trị, điều hành, kiểm soát và công bố thông tin.

Điều 69. Quản trị rủi ro

1. Công ty thiết lập hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động, mô hình công ty đại chúng, doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng.

2. Quản trị rủi ro của Công ty được thực hiện trên nguyên tắc phòng ngừa là chính, nhận diện sớm, đánh giá đúng, xử lý kịp thời, phân định rõ trách nhiệm, có báo cáo, có giám sát và có hậu kiểm.

3. Các nhóm rủi ro trọng yếu cần được quản trị bao gồm rủi ro pháp lý, rủi ro tài chính, rủi ro vốn Nhà nước, rủi ro đầu tư, rủi ro công ty con, rủi ro sản xuất, rủi ro chất lượng, rủi ro thị trường, rủi ro lao động, rủi ro môi trường, rủi ro công nghệ, rủi ro thông tin, rủi ro công bố thông tin, rủi ro quốc phòng, an ninh và rủi ro uy tín.

4. Hội đồng quản trị quyết định định hướng, nguyên tắc và cơ chế quản trị rủi ro của Công ty; giám sát việc tổ chức thực hiện hệ thống quản trị rủi ro.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện vai trò giám sát, cảnh báo và yêu cầu báo cáo, giải trình đối với các rủi ro trọng yếu thuộc phạm vi quản trị của Hội đồng quản trị; việc yêu cầu báo cáo, giải trình và cảnh báo rủi ro không được hiểu là điều hành thay Tổng Giám đốc.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức nhận diện, đánh giá, kiểm soát, xử lý và báo cáo rủi ro trong hoạt động điều hành hằng ngày của Công ty; bảo đảm rủi ro phát sinh trong sản xuất, kinh doanh, tài chính, đầu tư, lao động, chất lượng, công ty con, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công bố thông tin được phát hiện và xử lý kịp thời.

7. Ban kiểm soát giám sát việc tuân thủ cơ chế quản trị rủi ro, việc phát hiện, báo cáo và xử lý rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ này quy định; Ban kiểm soát không làm thay chức năng quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị, không làm thay trách nhiệm điều hành rủi ro của Tổng Giám đốc.

8. Người quản lý, người điều hành, người đại diện phần vốn, người đứng đầu công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm nhận diện, báo cáo, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các rủi ro thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao.

9. Nội dung chi tiết về danh mục rủi ro, mức độ rủi ro, ngưỡng cảnh báo, quy trình báo cáo, đầu mối xử lý, biện pháp kiểm soát và trách nhiệm cụ thể được quy định tại Quy chế quản trị rủi ro, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 70. Kiểm soát nội bộ

1. Công ty thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết

của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ; bảo vệ vốn, tài sản, dữ liệu, uy tín và lợi ích hợp pháp của Công ty.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải bao quát các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm quản trị, điều hành, tài chính, kế toán, đầu tư, mua sắm, hợp đồng, quản lý tài sản, quản lý hàng tồn kho, quản lý công nợ, quản lý lao động, quản lý chất lượng, công bố thông tin, quản lý công ty con, quản lý vốn Nhà nước và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Kiểm soát nội bộ phải được thiết kế theo nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm, phân tách chức năng phù hợp, phê duyệt đúng thẩm quyền, kiểm tra trước – trong – sau, lưu trữ hồ sơ đầy đủ, báo cáo kịp thời và xử lý sai lệch theo thẩm quyền.

4. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ trong hoạt động điều hành; Ban kiểm soát giám sát độc lập việc tuân thủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ theo chức năng của mình.

5. Kiểm soát nội bộ là hệ thống phục vụ quản trị và điều hành, không phải là Ban kiểm soát và không thay thế chức năng của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát độc lập do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty, bộ phận pháp chế, bộ phận tài chính – kế toán, bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ (nếu có) và các bộ phận chuyên môn khác thực hiện nhiệm vụ tham mưu, hỗ trợ, kiểm tra, kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ được giao; không được tự mở rộng thẩm quyền hoặc hình thành cấp điều hành, cấp kiểm soát độc lập ngoài quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ.

7. Công ty có thể tổ chức kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ chuyên trách hoặc các đầu mối kiểm soát phù hợp với quy mô, đặc thù và yêu cầu quản trị của Công ty.

8. Các nội dung chi tiết về tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quy trình kiểm soát, chế độ báo cáo, cơ chế cảnh báo và xử lý sai lệch được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tài chính, Quy chế kiểm soát nội bộ, Quy chế quản trị rủi ro và các quy chế chuyên ngành khác.

Điều 71. Xử lý vi phạm về công bố thông tin, bảo mật, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về công bố thông tin, cung cấp thông tin, bảo mật thông tin, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ hoặc không thực hiện trách nhiệm báo cáo, cảnh báo, xử lý rủi ro thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Các hành vi vi phạm bao gồm nhưng không giới hạn ở việc công bố thông tin sai lệch, công bố chậm, không công bố thông tin theo quy định, che giấu thông

tin, tiết lộ thông tin mật, sử dụng thông tin nội bộ để trục lợi, báo cáo không trung thực, không cảnh báo rủi ro, không kiểm soát rủi ro, không khắc phục sai lệch hoặc cản trở hoạt động kiểm soát hợp pháp.

3. Trường hợp thông tin đã công bố sai lệch, không đầy đủ hoặc gây hiểu nhầm, Công ty có trách nhiệm đính chính, bổ sung, báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp vi phạm quy định về bảo mật thông tin, bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh hoặc thông tin chưa công bố, cá nhân, bộ phận, đơn vị vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

5. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông, người lao động, nhà đầu tư hoặc bên thứ ba, cá nhân, tổ chức vi phạm phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định.

6. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty và các bộ phận có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện, ngăn ngừa, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các vi phạm quy định tại Điều này.

7. Việc xử lý vi phạm phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có căn cứ, có hồ sơ, xác định rõ trách nhiệm cá nhân và không được sử dụng để cản trở quyền giám sát hợp pháp của cổ đông, Ban kiểm soát, cơ quan quản lý Nhà nước hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước.

CHƯƠNG XI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 72. Tổ chức lại Công ty

1. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, cơ cấu lại hoặc các hình thức tổ chức lại khác của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc tổ chức lại Công ty phải bảo đảm tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, lao động, thuế, tài chính, kế toán, đất đai, quốc phòng, an ninh, công bố thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Đối với Công ty là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, công ty đại chúng và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, mọi phương án tổ chức lại phải được xem xét trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, không làm thất thoát tài sản, không ảnh hưởng tiêu cực đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, không làm suy giảm năng lực sản xuất quốc phòng, không xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cổ đông, người lao động và phải được báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hoặc chỉ đạo xây dựng phương án tổ chức lại Công ty trình Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Phương án tổ chức lại phải có đầy đủ căn cứ pháp lý, phân tích tài chính, đánh giá tác động đến vốn, tài sản, người lao động, cổ đông, công ty con, đơn vị trực thuộc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nghĩa vụ công bố thông tin và các bên có quyền lợi liên quan.

5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng quản trị trong việc chuẩn bị hồ sơ, số liệu, phương án tổ chức lại và tổ chức thực hiện phương án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

6. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát quá trình xây dựng và thực hiện phương án tổ chức lại theo chức năng, nhiệm vụ của mình; kịp thời kiến nghị xử lý nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ, thất thoát vốn, tài sản hoặc ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, Công ty, cổ đông, người lao động và các bên có quyền lợi liên quan.

7. Việc tổ chức lại Công ty không được sử dụng để che giấu thua lỗ, chuyển dịch tài sản trái pháp luật, né tránh nghĩa vụ tài chính, né tránh nghĩa vụ với người lao động, làm sai lệch quyền cổ đông hoặc làm suy giảm trái pháp luật phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Điều 73. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp theo quy định của pháp luật, bao gồm trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể, hết thời hạn hoạt động mà không gia hạn, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty chỉ được thực hiện khi Công ty bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Việc giải thể Công ty phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng trình tự, đúng thẩm quyền, có kiểm soát, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, Công ty, cổ đông, người lao động, chủ nợ, khách hàng, đối tác và các bên có quyền lợi liên quan.

4. Đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty, việc xử lý khi giải thể phải tuân thủ pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về tài chính, kế toán, tài sản công nếu có liên quan và chịu sự giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước theo quy định.

5. Đối với tài sản, hồ sơ, tài liệu, công nghệ, dữ liệu, sản phẩm, hợp đồng hoặc nguồn lực liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, việc xử lý khi giải thể phải tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo mật thông tin và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi tẩu tán tài sản, che giấu công nợ, chuyển dịch tài sản trái quy định, làm sai lệch hồ sơ, ưu tiên thanh toán trái pháp luật, che giấu nghĩa vụ đối với Nhà nước, người lao động, cổ đông, chủ nợ hoặc bên có quyền lợi liên quan trong quá trình giải thể.

7. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình nếu để xảy ra vi phạm, thất thoát tài sản, sai lệch hồ sơ, chậm trễ bất hợp lý hoặc thiệt hại trong quá trình giải thể.

Điều 74. Thanh lý tài sản và thứ tự thanh toán khi giải thể

1. Hội đồng quản trị tổ chức việc thanh lý tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ban thanh lý hoặc thuê tổ chức có chức năng phù hợp để thực hiện việc thanh lý tài sản theo quy định.

2. Việc thanh lý tài sản phải bảo đảm kiểm kê đầy đủ, xác định đúng hiện trạng, giá trị, quyền sở hữu, nghĩa vụ liên quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, không làm thất thoát tài sản của Công ty, đặc biệt là phần vốn, tài sản có liên quan đến Nhà nước và tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Thứ tự thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty khi giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật, bao gồm chi phí giải thể, các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết, nghĩa vụ thuế và các khoản nợ khác.

4. Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể, phần tài sản còn lại được phân chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, loại cổ phần và quyền của từng loại cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Việc thanh toán, phân chia tài sản, xử lý phần vốn Nhà nước, xử lý tài sản có yếu tố quốc phòng, an ninh và hoàn tất thủ tục giải thể phải được lập hồ sơ đầy đủ, có chứng từ, có xác nhận, có lưu trữ và có thể kiểm tra, đối chiếu.

6. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban thanh lý và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm cá nhân về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của hồ sơ, số liệu, tài sản, công nợ, thứ tự thanh toán và kết quả giải thể trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

7. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát quá trình thanh lý tài sản, thanh toán nghĩa vụ và phân chia tài sản còn lại theo chức năng, nhiệm vụ của mình; trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm phải kịp thời kiến nghị xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp nội bộ của Công ty bao gồm tranh chấp giữa cổ đông với Công ty, giữa cổ đông với cổ đông liên quan đến Công ty, giữa cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành hoặc tranh chấp

phát sinh trong quá trình áp dụng Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Khi phát sinh tranh chấp nội bộ, các bên liên quan trước hết phải ưu tiên giải quyết thông qua trao đổi, thương lượng, hòa giải trên tinh thần thiện chí, hợp tác, minh bạch, tôn trọng lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có liên quan.

3. Trường hợp tranh chấp không liên quan trực tiếp đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể chủ trì hoặc chỉ đạo tổ chức việc thương lượng, hòa giải, yêu cầu các bên cung cấp thông tin, tài liệu, giải trình và đề xuất phương án xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp tranh chấp liên quan trực tiếp đến Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc có khả năng ảnh hưởng đến tính khách quan của quá trình giải quyết, các bên có thể thống nhất lựa chọn người trung gian hòa giải, tổ chức hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Các bên tham gia tranh chấp có trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, bảo mật thông tin theo quy định, không được lợi dụng tranh chấp để gây rối hoạt động của Công ty, làm ảnh hưởng đến công bố thông tin, uy tín, vốn Nhà nước, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc quyền lợi hợp pháp của cổ đông, người lao động và bên thứ ba.

7. Chi phí giải quyết tranh chấp được thực hiện theo thỏa thuận của các bên hoặc theo phán quyết, quyết định của Trọng tài, Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

8. Trong thời gian giải quyết tranh chấp, các bên có liên quan vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ không bị tranh chấp và không được đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nghĩa vụ công bố thông tin hoặc nghĩa vụ với người lao động, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có quyết định khác.

Điều 76. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chỉ có hiệu lực khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo tỷ lệ biểu quyết quy định tại pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm rà soát Điều lệ, đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi có thay đổi của pháp luật, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước, yêu cầu quản trị công ty đại chúng, yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu phát triển của Công ty.

3. Hồ sơ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải nêu rõ căn cứ pháp lý, lý do sửa đổi, nội dung sửa đổi, đánh giá tác động, bảng so sánh nội dung hiện hành và nội dung đề xuất sửa đổi, ý kiến thẩm định pháp lý nếu cần thiết và dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp quy định của pháp luật có nội dung khác với Điều lệ này hoặc có quy định mới phát sinh mà Điều lệ chưa kịp sửa đổi, quy định của pháp luật được ưu tiên áp dụng. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Điều lệ tại kỳ họp gần nhất.

5. Các quy chế nội bộ, quy chế hoạt động, quy định, quy trình của Công ty phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều lệ sau khi Điều lệ được sửa đổi, bổ sung.

6. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải bảo đảm không làm mất đi các nguyên tắc nền tảng của Công ty, bao gồm tuân thủ pháp luật, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, bảo vệ quyền cổ đông, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tách bạch quản trị – điều hành – kiểm soát, minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình.

Điều 77. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực, các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, chức danh, cơ cấu tổ chức, thẩm quyền và quy chế nội bộ đã được xác lập trước đó tiếp tục được thực hiện nếu không trái với Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

2. Các nghị quyết, quyết định, hợp đồng, giao dịch, phân cấp, ủy quyền, quy chế, quy trình đã được ban hành hoặc ký kết trước ngày Điều lệ này có hiệu lực tiếp tục có giá trị thi hành nếu không trái với Điều lệ này và quy định pháp luật.

3. Trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan phải hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh văn bản nội bộ, phân cấp, ủy quyền, cơ chế báo cáo và cơ chế kiểm soát để phù hợp với Điều lệ này.

4. Trường hợp phát sinh vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ này hoặc quy chế nội bộ, việc xử lý được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nguyên tắc bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông, người lao động và các bên có quyền lợi liên quan.

5. Trường hợp các quy định chuyển tiếp liên quan đến phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn Nhà nước, công ty con, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc công bố thông tin cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, Công ty thực hiện theo đúng trình tự báo cáo, xin ý kiến và chỉ triển khai khi đủ điều kiện theo quy định.

6. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện điều khoản chuyển tiếp; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai trong phạm vi điều hành; Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của mình

Điều 78. Trách nhiệm rà soát, cập nhật hệ thống quy chế nội bộ sau khi Điều lệ có hiệu lực

1. Sau khi Điều lệ này có hiệu lực, Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty để bảo đảm phù hợp với Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

2. Các quy chế, quy định, quy trình nội bộ phải được rà soát bao gồm Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp, ủy quyền, Quy chế người đại diện phần vốn, Quy chế quản lý công ty con, Quy chế công bố thông tin, Quy chế kiểm soát nội bộ, Quy chế quản trị rủi ro, Quy chế lao động, tiền lương và các văn bản nội bộ khác có liên quan.

4. Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty, bộ phận pháp chế, bộ phận tài chính – kế toán, bộ phận tổ chức – nhân sự, cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản nội bộ theo thẩm quyền.

5. Trường hợp quy chế, quy định, quy trình nội bộ có nội dung khác với Điều lệ này thì áp dụng Điều lệ này cho đến khi văn bản nội bộ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xác định thời hạn hoàn thành việc rà soát hệ thống quy chế nội bộ và phân công rõ đầu mối chủ trì, đầu mối phối hợp, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện.

Điều 79. Lưu giữ, sao lục và giải thích Điều lệ

1. Điều lệ này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, được đăng tải hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật về công ty đại chúng, quản trị công ty và công bố thông tin.

2. Cổ đông, người quản lý, người điều hành, Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn Nhà nước và các chủ thể có quyền liên quan được quyền tra cứu, trích lục, sao lục Điều lệ theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị sử dụng khi được chứng thực, xác nhận hoặc ký bởi người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Trong trường hợp phát sinh cách hiểu khác nhau về nội dung Điều lệ, Hội đồng quản trị có trách nhiệm giải thích trên cơ sở tuân thủ pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

5. Trường hợp nội dung cần giải thích có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của cổ đông, thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước hoặc có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Việc giải thích Điều lệ không được làm thay đổi nội dung, tinh thần hoặc giới hạn thẩm quyền đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; không được sử dụng việc giải thích Điều lệ để mở rộng thẩm quyền của bất kỳ cá nhân, cơ quan hoặc bộ phận nào trong Công ty.

Điều 80. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 11 chương, 80 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 thông qua ngày … tháng … năm 2026 tại Hà Nội và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

2. Điều lệ này là duy nhất, thay thế toàn bộ các bản Điều lệ trước đây của Công ty cổ phần X20 kể từ ngày có hiệu lực.

3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác, người quản lý, người điều hành, đơn vị trực thuộc, công ty con, cổ đông, người lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

4. Các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty đã ban hành trước ngày Điều lệ này có hiệu lực tiếp tục được áp dụng nếu không trái với Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

5. Trường hợp quy chế, quy định, quy trình nội bộ có nội dung khác với Điều lệ này hoặc không còn phù hợp với pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo thẩm quyền.

6. Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

Chu Văn Đệ

TỔNG CỤC HẬU CẦN - KỸ THUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số: 718 /CV-CTCP

V/v rà soát điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026, hoàn thiện hồ sơ Đại hội cổ đông năm và Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tham mưu/Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật.

Thực hiện theo Công văn số 3132/TCHC-KT của Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật ngày 18/5/2026 về việc rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 và Chiến lược giai đoạn 5 năm từ 2026-2030;

Công ty cổ phần X20 báo cáo hoàn thiện hồ sơ Đại hội cổ đông năm 2026 và Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty như sau;

- Về nội dung công tác đầu tư Kế hoạch SXKD năm 2026: Công ty báo cáo xin điều chỉnh giảm mức đầu tư từ 161,110 tỷ đồng xuống còn 125,382 tỷ đồng.

Lý do giảm, dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà Văn phòng của Công ty do yếu tố trượt giá, giá xây dựng tăng cao và tiến độ không còn bảo đảm kịp nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Công ty.

- Về nội dung hoàn thiện hồ sơ Đại hội cổ đông: Điều chỉnh số liệu tăng trưởng từ 2 con số đối với Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn từ 2026-2030.

(Có báo cáo Chiến lược kèm theo)

- Về nội dung Dự thảo Sửa đổi, bổ sung Điều lệ: Đã bổ sung, điều chỉnh nội dung sau khi có ý kiến đóng góp của các cơ quan Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật.

(Có báo cáo Điều lệ kèm theo)

Công ty cổ phần X20 xin báo cáo Thủ trưởng Bộ Tham mưu/TCHC-KT./.

Công ty cổ phần X20 trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên (để b/c);
- Lưu: VT, KH-KD. H04.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Thượng tá Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ.	*Hà Nội, ngày ?? tháng ?? năm 2026*
(DỰ THẢO)	

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần X20;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần X20, ngày ??/??/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 562/BC-HĐQT ngày 22/04/2026 của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025 (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 772/BC-CTCP ngày 20/05/2026 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026, với các chỉ tiêu, nội dung chính như sau:

1. Thực hiện năm 2025:

1.1. Tổng doanh thu: 1.120,7 tỷ đồng;

1.2. Lợi nhuận: 44,28 tỷ đồng;

1.3. Nộp ngân sách: 50,5 tỷ đồng;

1.4. Thu nhập BQ: 13,259 triệu đồng/người/tháng.

1.5. Cổ tức: 10%.

2. Kế hoạch năm 2026:

2.1. Tổng doanh thu: 1.233 tỷ đồng;

2.2. Lợi nhuận: 39,3 tỷ đồng;

2.3. Nộp ngân sách: 51,03 tỷ đồng;

2.4. Thu nhập BQ: 12.500.000 đồng/người/tháng;

2.5. Cổ tức (dự kiến): 10%.

2.6. Các định hướng, nhiệm vụ trọng tâm khác quyết nghị thực hiện theo Báo cáo số 772/BC-CTCP ngày 20/05/2026 của Hội đồng quản trị (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo Báo cáo số 563/BC-HĐQT ngày 22/04/2026 của Hội đồng quản trị (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 4. Thông qua Báo cáo số 05/CTCP-BKS ngày 17/04/2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần X20 về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 5. Thông qua Báo cáo số 06/CTCP-BKS ngày 17/04/2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần X20 về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 561/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối:	27.258.260.176 đồng
2. Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận:	
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	4.862.785.737 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển:	5.000.000.000 đồng
- Quỹ khen thưởng BQL điều hành CT:	145.474.439 đồng
- Cổ tức 10%:	17.250.000.000 đồng

Điều 7. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025; kế hoạch năm 2026 của Người quản lý và Người lao động. Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 560/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT (có tài liệu kèm theo)

Điều 8. Quyết nghị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Điều 9. Thông qua định hướng Chiến lược triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 của Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như Báo cáo số 720/BC-CTCP ngày 20/05/2026 của HĐQT (có tài liệu đính kèm).

Điều 10. Quyết nghị ban hành Điều lệ Công ty cổ phần X20 (sửa đổi, bổ sung); nội dung chi tiết như Tờ trình số 558/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT (có tài liệu đính kèm).

Điều 11. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như Tờ trình số 554/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT (có tài liệu đính kèm)

Điều 12. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như Tờ trình số 554/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT (có tài liệu đính kèm).

Điều 13. Thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029, cụ thể: (ông/bà.....) trúng cử Thành viên HĐQT Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần X20 thông qua toàn văn tại cuộc họp ngày ??/??/2026.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này, trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, lợi ích của các cổ đông, phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:
- UBCK NN (để b/c);
- Sở GDCK Hà Nội (để b/c);
- Cơ quan đại diện vốn NN (để b/c)
- HĐQT; BKS, Ban TGĐ (để t/h);
- Người phụ trách CBTT (để CBTT);
- Website GATEXCO 20 (thay cho thông báo);
- Lưu: VT, HĐQT. H17.

CHỦ TỊCH HĐQT
Chu Văn Đệ